

HÀ BÍCH LIÊN – HOÀNG THỊ KIỀU OANH
HUỖNH PHẨM DŨNG PHÁT – HỒ THANH TÂM



**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP 9



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ BÍCH LIÊN – HOÀNG THỊ KIỀU OANH
HUỖNH PHẨM DŨNG PHÁT – HỒ THANH TÂM

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP 9



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
NXBGDVN	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
PPDH	Phương pháp dạy học
SBT	Sách bài tập
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

Lời nói đầu

Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 (bộ sách Chân trời sáng tạo) được NXBGDVN tổ chức biên soạn nhằm giúp GV cấp THCS nắm rõ những nội dung cơ bản của CTGDPT môn Lịch sử và Địa lí năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tài liệu bồi dưỡng này cũng góp phần giúp cho GV tổ chức các hoạt động dạy học môn Lịch sử và Địa lí hiệu quả theo SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

Tài liệu có cấu trúc gồm hai phần:

Phần một. Những vấn đề chung

Phần này giới thiệu về SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) với các nội dung: Khái quát về chương trình môn học Lịch sử và Địa lí 9; Giới thiệu chung về SGK *Lịch sử và Địa lí 9*; Phương pháp và kĩ thuật dạy học; Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Giới thiệu học liệu bổ trợ, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục.

Phần hai. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy

Phần này chủ yếu là các gợi ý, hướng dẫn GV cách tổ chức dạy học một số dạng bài cơ bản trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*), gồm: dạng bài hình thành kiến thức mới, dạng bài thực hành và dạng bài chuyên đề.

Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 (bộ sách Chân trời sáng tạo) được biên soạn dựa trên cơ sở kế thừa, phát triển những thành tựu đổi mới về phương pháp và hình thức dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo định hướng phát triển năng lực. Đồng thời, tài liệu cũng được biên soạn theo hướng mở nhằm giúp GV có thể chủ động, linh hoạt trong tổ chức dạy học để phù hợp với năng lực của HS và điều kiện cụ thể ở mỗi địa phương.

Tập thể tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý của quý thầy, cô giáo và độc giả để tài liệu được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ

Mục lục

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
1. Khái quát về chương trình môn học Lịch sử và Địa lí 9	5
2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 9	5
3. Phương pháp và kĩ thuật dạy học	21
4. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	38
5. Giới thiệu học liệu bổ trợ, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục	43
PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	48
1. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy	48
2. Kế hoạch bài dạy minh hoạ	49

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

Lịch sử và Địa lí cấp THCS là môn học có vai trò quan trọng đối với việc hình thành, phát triển cho HS các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung và năng lực khoa học với biểu hiện đặc thù là năng lực lịch sử, năng lực địa lí; tạo tiền đề HS tiếp tục học lên THPT, học nghề hoặc tham gia đời sống lao động, trở thành những công dân có ích.

Lịch sử và Địa lí 9 là môn học bắt buộc, gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... Các mạch kiến thức lịch sử và địa lí được kết nối với nhau nhằm soi sáng và hỗ trợ lẫn nhau. Ngoài ra, môn học có thêm một số chủ đề mang tính tích hợp, như: Đô thị – lịch sử và hiện tại; Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SGK LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

2.1. Quan điểm biên soạn SGK Lịch sử và Địa lí 9

– Bám sát Chương trình môn Lịch sử và Địa lí 9 được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Đảm bảo các YCCĐ về phẩm chất và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể đồng thời với các năng lực đặc thù của môn học: nhận thức khoa học, tìm hiểu lịch sử – địa lí và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– Đổi mới và sáng tạo, vận dụng triệt để các quan điểm: tích cực hoá hoạt động của HS, dạy học tích hợp. Tư tưởng này được hiện thực hoá bằng các hoạt động thực hành và trải nghiệm phong phú trong tất cả các bài học, tạo ra các cơ hội hình thành, phát triển các năng lực và phẩm chất.

2.2. Mục tiêu môn học Lịch sử và Địa lí 9

Môn Lịch sử và Địa lí 9 giúp hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học Lịch sử, khoa học Địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng

sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

2.3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

2.3.1. Cấu trúc sách

Trang bìa phản ánh nội dung chính của chương trình học môn Lịch sử và Địa lí 9 (chương trình năm 2018), trong đó, toà nhà Landmark 81 cao nhất Việt Nam (tính đến năm 2023) được chọn làm biểu tượng cho phần địa lí dân cư – kinh tế; toà nhà này cũng phản ánh nội dung về sự phát triển của đô thị hiện đại – một nội dung thuộc chủ đề chung Đô thị: Lịch sử và hiện tại. Chân dung người mẹ Việt Nam (được chọn từ Quần thể tượng đài Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở Quảng Nam) là biểu tượng ghi dấu những cuộc chiến tranh vĩ đại giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc của thế kỉ XX với những đóng góp, hi sinh của cả dân tộc. Điểm đặc sắc trong thiết kế bố cục là thể hiện theo mô típ cầu vồng, sắp đặt ánh nhìn của người mẹ hướng lên bầu trời rực rỡ: tầm nhìn về tương lai tươi sáng của dân tộc.

Đầu sách có trang hướng dẫn sử dụng sách, nhằm tạo thuận lợi GV và HS làm quen và nhận biết những kí hiệu cơ bản thể hiện trong từng mục của bài học trong cuốn sách. Cuối sách có phần thuật ngữ nhằm cung cấp cho HS thuật ngữ, khái niệm chủ chốt để khám phá bài học hiệu quả.

– Phần Lịch sử

Phần Lịch sử trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) gồm có 7 chương, 24 bài học. Các chương cụ thể như sau:

Chương 1. Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945

Chương 2. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945

Chương 3. Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991

Chương 4. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991

Chương 5. Thế giới từ năm 1991 đến nay

Chương 6. Việt Nam từ năm 1991 đến nay

Chương 7. Cách mạng khoa học, kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá

– Phần Địa lí

Phần Địa lí trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) gồm có 3 chương và 23 bài, cụ thể:

Chương 1. Địa lí dân cư Việt Nam

Chương 2. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam

Chương 3. Sự phân hoá lãnh thổ

Chủ đề chung: gồm có 3 chủ đề chung:

Chủ đề 1: Đô thị: Lịch sử và hiện tại

Chủ đề 2: Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long

Chủ đề 3: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Mỗi chủ đề chung thể hiện sự tích hợp chặt chẽ giữa lịch sử và địa lí, được thiết kế với các mạch nội dung riêng nhưng vẫn đảm bảo tính kế thừa và kết nối với các phần nội dung chính của lịch sử và địa lí trước đó.

2.3.2. Cấu trúc bài học

Cấu trúc trong từng bài học gồm những phần sau:



– Phần mở đầu

+ YCCĐ: nêu lên những yêu cầu về năng lực lịch sử và năng lực địa lí mà HS cần đạt được sau khi học xong mỗi bài.

Ví dụ:

Trong phần Lịch sử, ở **Bài 18. Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975**

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975 (đánh bại các chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...).
- Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (chỉ viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...).
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Hình 1. Phần YCCĐ của Bài 18 – phần Lịch sử

Trong phần Địa lí, ở **Bài 1. Dân cư và dân tộc, chất lượng cuộc sống**

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.
- Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.
- Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.
- Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước.

Hình 2. Phần YCCĐ của Bài 1 – phần Địa lí

+ Dẫn nhập: bên cạnh phần YCCĐ, mỗi bài học sẽ được bắt đầu bằng đoạn văn bản dẫn nhập, giúp HS có định hướng và tạo hứng thú cho việc học tập có hiệu quả hơn. Đây cũng là một nguồn dữ liệu phù hợp để GV có thể tổ chức hoạt động khởi động đầu giờ học.

Ví dụ:

Trong phần Lịch sử, ở **Bài 24. Cách mạng khoa học, kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá**

Năm 1898, Mác Tuên (Mark Twain) đã viết một câu chuyện viễn tưởng về Luân Đôn năm 1904 (From the London Times of 1904), trong đó ông mô tả về một thiết bị giống như chiếc điện thoại có khả năng kết nối trên toàn thế giới để mọi người có thể chia sẻ thông tin và quan sát nhau từ xa. Những thành tựu diệu kì của khoa học công nghệ đã hiện thực hoá vượt xa câu chuyện viễn tưởng của Mác Tuên, tạo nên một thế giới kết nối toàn cầu như chúng ta biết ngày nay. Những thành tựu đó là gì? Sự liên kết thế giới trong xu thế toàn cầu hoá có những nét cơ bản nào? Đã tác động đến thế giới và Việt Nam ra sao?

Hình 3. Phần Dẫn nhập của Bài 24 – phần Lịch sử

Trong phần Địa lí, ở **Bài 6. Công nghiệp**

Công nghiệp là ngành kinh tế đóng vai trò quan trọng ở nước ta. Sự phát triển và phân bố của ngành công nghiệp chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố khác nhau như điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, kinh tế – xã hội. Nước ta phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu nào? Vì sao nước ta hướng đến phát triển công nghiệp xanh?

Hình 4. Phần Dẫn nhập của Bài 6 – phần Địa lí

– Phần hình thành kiến thức mới

Trong cấu trúc bài, phần hình thành kiến thức mới bao gồm các đề mục với tiêu đề gắn với nội dung chính của bài. Mỗi đề mục thường bắt đầu bằng nhiệm vụ học

tập, sau đó là các nội dung chính của bài học được cấu thành từ nhiều kênh thông tin khác nhau như: chính văn, tư liệu, biểu đồ, lược đồ, bản đồ,... Đối với phần Lịch sử, còn có kênh thông tin về *Nhân vật lịch sử*.

Ví dụ:

Trong phần Lịch sử, ở **Bài 11. Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991** như sau:

Từ những năm 70 của thế kỉ XX, nền chính trị Mỹ đối mặt với những thách thức mới. Về đối nội, Chính phủ Mỹ cố gắng lấy lại niềm tin của người dân sau thất bại trong chiến tranh Việt Nam và những vụ bê bối quốc gia. Về đối ngoại, Mỹ tìm cách cải thiện quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc thể hiện qua chuyến thăm của Tổng thống R. Nixon (Richard Nixon) đến hai nước vào năm 1972. Năm 1989, Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

2. Các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991

11.6 Ri-gân (Reagan) và Gôóc-ba-xtốp trong cuộc gặp thượng đỉnh đầu tiên bên về Khủng hoảng giải trừ và khí hậu nhân tại Gơ-ne-ve (Geneve), tháng 11 - 1985

Hãy trình bày những điểm nổi bật của tình hình kinh tế, chính trị Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

Hãy xác định trên lược đồ 11.8 tên các nước tham gia Cộng đồng kinh tế châu Âu năm 1957 và Liên minh châu Âu năm 1991.

Trong vòng chưa đầy một phần tư thế kỉ, châu Âu trải qua hai cuộc chiến, khắp nơi là những vùng đất bị tàn phá và chia cắt. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, các nước từ bán Tây Âu có xu hướng liên kết lại với nhau về kinh tế, chính trị.

11.5 Áp phích "Châu Âu thống nhất vì tiến bộ và hoà bình" cho sự kiện thành lập Cộng đồng kinh tế châu Âu năm 1957

Hình ảnh tượng trưng cho 6 nước từ trái qua phải: Đức - Pháp - Bỉ - Hà Lan - Ý - Anh

47

a) Tình hình kinh tế

Chương trình viện trợ phục hưng kinh tế châu Âu của Mỹ (bê hoạch Mác-san) đã giúp các nước Tây Âu khắc phục hậu quả chiến tranh. Nền kinh tế châu Âu nhanh chóng phục hồi. Năm 1951, Cộng đồng than thép châu Âu (ECSC) ra đời, gồm 6 nước: Pháp, Cộng hoà Liên bang Đức, Bỉ, Hà Lan, Ý, Anh. Năm 1957, Cộng đồng nguyên tử (EURATOM) và Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) thành lập.

Năm 1967, ba tổ chức trên sáp nhập thành Cộng đồng châu Âu (EC) với cơ chế tự do lưu chuyển tài chính, công việc và nguồn nhân lực trong các nền kinh tế của các quốc gia thành viên.

Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm tài chính lớn nhất thế giới, chỉ sau Mỹ và Nhật Bản. Sau quyết định ngưng tham gia Hội nghị thương mại của Cộng đồng châu Âu năm 1991 họp tại Maastricht (Maastricht, Hà Lan), ngày 1 - 11 - 1993, Liên minh châu Âu ra đời. Đây là một tổ chức liên minh thực đầy và hỗ trợ kinh tế các nước Tây Âu phát triển nhanh và bền vững.

b) Tình hình chính trị

Giai đoạn 1945 - 1991, các nước Tây Âu phát triển đất nước theo con đường tự do chủ nghĩa. Điểm nổi bật trong tình hình chính trị của Tây Âu giai đoạn này là tiến trình hoà giải Đức - Pháp, sự thống nhất Tây Đức - Đông Đức và quá trình thành lập Liên minh châu Âu.

11.7 "Cuộc hòa giải Đức - Pháp" Trong ảnh là Tổng thống Pháp và Thủ tướng Cộng hoà Liên bang Đức (1962). Dân chúng giờ cao mừng đón "Châu Âu thống nhất" ở Bôn (Bonn).

48

Hình 5. Phần Hình thành kiến thức mới của Bài 11 – phần Lịch sử

Ở **Bài 14. Xây dựng và bảo vệ chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (từ tháng 9 - 1945 đến tháng 12 - 1946)** như sau:

Để xây dựng và củng cố chính quyền, ngày 6 - 1 - 1946, lần đầu tiên trong lịch sử, hơn 90% cử tri cả nước tham gia Tổng tuyển cử, bầu đại biểu Quốc hội. Tháng 3 - 1946, Quốc hội thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Tháng 11 - 1946, Quốc hội ban hành Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Lực lượng vũ trang được xây dựng, Việt Nam Giải phóng quân đổi tên thành Vệ quốc đoàn, đến tháng 5 - 1946, đổi thành Quân đội Quốc gia Việt Nam. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng trong toàn dân. Cuối năm 1945, khắp nơi từ thôn xã đến thành phố đã có hàng vạn tự vệ quân.

2. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính

— Chính phủ đã đề ra những biện pháp chủ yếu gì để giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục?

— Đọc tư liệu 14.2, hãy cho biết theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà nước sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

Để giải quyết nạn đói, trước mắt Chính phủ kêu gọi "những cơn sốt" lập các hội gạo cứu đói, cứu trợ nhân dân vùng bị đói, nghiêm trị đầu cơ tích trữ....

14.2 Hồ Chí Minh khẳng định: "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân còn đói rét, chết rét thì tự do độc lập cũng không làm gì". Vì vậy, Nhà nước cần phải thực hiện ngay: 1. Làm cho dân có ăn; 2. Làm cho dân có mặc; 3. Làm cho dân có chỗ ở; 4. Làm cho dân có học.

(Báo Cứu Quốc, ngày 11 - 1 - 1946)

14.3 Đoàn cứu đói, cứu đói của Quốc hội khu 1 đi quyền góp gạo Trường học là đại biểu Quốc hội Ngô Tô Hộ người Mèo xe mướn do dân (Hà Nội)

71

Nhiều biện pháp mang tính lâu dài cũng được thực hiện như tăng giá sản xuất, tiến hành giảm thuế, xoá bỏ thuế thân, chia ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng... Nhờ những biện pháp đó, nạn đói bị đẩy lùi, sản xuất nông nghiệp bắt đầu phục hồi.

14.4 Đoàn đầu tiên của Chính phủ cho gạo cứu trợ vùng bị nạn đói do thiên tai

Để xoa nạn mù chữ và nâng cao trình độ văn hoá cho người dân, ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia diệt "giặc dốt". Các lớp Bình dân học vụ mở ra khắp nơi. Trường học các cấp từ phổ thông và đại học khai giảng trong đầu tháng 9 - 1945. Nội dung phương pháp giáo dục được đổi mới theo tinh thần dân tộc, dân chủ.

14.5 Nạn đói là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Họ còn mua phần trăm đóng góp chúng ta mù chữ.

Một dân tộc đói là một dân tộc yếu. Vì vậy, tôi đề nghị mọi chiến dịch diệt "giặc dốt" phải bắt đầu từ đây.

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 7)

14.6 Một lớp Bình dân học vụ ở Hà Nội những ngày đầu độc lập

Trước những khó khăn về tài chính, Chính phủ tổ chức quyền gọi cho "Quy định lập" và tổ chức "Tuần lễ vàng". Tháng 11 - 1946, Chính phủ phát hành tiền Việt Nam.

Nhân vật lịch sử

Trịnh Văn Bô (1914 - 1988)

Trịnh Văn Bô là nhà tư tưởng yêu nước. Tại nhà của ông ở số 46 phố Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Hồ Chí Minh viết bản Tuyên ngôn Độc lập vào những ngày cuối tháng 8. Trong "Tuần lễ vàng" ông đã ủng hộ cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam 5 147 lượng vàng. Hiện nay, tên ông được đặt cho một đường phố ở Hà Nội.

72

Hình 6. Phần Hình thành kiến thức mới của Bài 14 – phần Lịch sử

Trong phần Địa lí, ở **Bài 9. Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ** như sau:

Phần bố dân cư Năm 2021, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có số dân khoảng 12,9 triệu người (chiếm 13,1% số dân cả nước); mật độ dân số thấp, khoảng 136 người/km² (cả nước 297 người/km²). Dân số thành thị chiếm khoảng 20,5%, dân số nông thôn chiếm khoảng 79,5% số dân toàn vùng.

Thành phần dân tộc: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ở nước ta như Kinh, Thái, Mường, Dao, H'Mông, Tày, Nùng,... Các dân tộc có truyền thống văn hoá đặc sắc, đoàn kết trong xây dựng và phát triển kinh tế. Cùng với quá trình phát triển kinh tế, sự phân bố các dân tộc có sự thay đổi và xu hướng các dân tộc sinh sống đan xen nhau trở nên phổ biến ở nhiều khu vực trong vùng.

b) Chất lượng cuộc sống

Dựa vào bảng 9.1 và thông tin trong bài, hãy nhận xét chất lượng cuộc sống dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chất lượng cuộc sống dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ngày càng được nâng cao. Vùng đang đầu tư xây dựng nông thôn mới với hạ tầng giao thông được nâng cấp và làm mới, thu nhập bình quân đầu người được nâng lên, tỉ lệ hộ nghèo trong vùng giảm mạnh...

Bảng 9.1. Một số chỉ tiêu về chất lượng cuộc sống dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2010 – 2021

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2021
Thu nhập bình quân đầu người/tháng theo giá hiện hành (triệu đồng)	0,9	2,8
Tỉ lệ hộ nghèo (%)	29,4	13,4
Tuổi thọ trung bình (tuổi)	70,0	71,2
Tỉ lệ người biết chữ (%)	88,3	90,6

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2011, 2012 và 2022)

4. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp

Dựa vào hình 9.2 và thông tin trong bài, hãy trình bày sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp (trồng các cây cận nhiệt đới, ôn đới) và lâm nghiệp.

– Nông nghiệp

Trồng trọt: Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn ở nước ta, cơ cấu cây công nghiệp khá đa dạng, trong đó có cây trồng cận nhiệt đới, ôn đới, cây được lưu.

Chè: Vùng có diện tích chè lớn nhất cả nước với sản lượng khoảng 805 nghìn tấn, chiếm 73,8% sản lượng chè cả nước (năm 2021). Chè được trồng ở nhiều tỉnh trong vùng, trong đó, chè ở Mộc Châu (Sơn La), Tân Cương (Thái Nguyên) nổi tiếng cả nước.

Cà phê: được trồng ở một số tỉnh như Sơn La, Điện Biên,...

Cây được lưu: Vùng có điều kiện để phát triển cây được lưu như hồi, quế, tam thất... phân bố ở Cao Bằng, Lạng Sơn, vùng núi cao Hoàng Liên Sơn.

Cây ăn quả: phát triển theo hướng tập trung như xoài, nhãn (Sơn La), và chuối (Bắc Giang)...

Ngoài ra, rau vụ đông cũng được phát triển mạnh ở nhiều tỉnh trong vùng.

Chăn nuôi: Năm 2021, vùng có số lượng đàn trâu nhiều nhất cả nước với khoảng 1,2 triệu con (chiếm 55% cả nước) tập trung ở Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình...

Tổng đàn bò của vùng đạt 1,2 triệu con (chiếm 19% cả nước).

Nuôi bò sữa cũng được chú trọng phát triển ở Mộc Châu (Sơn La). Tổng đàn lợn của vùng đạt 5,5 triệu con, được nuôi nhiều ở Bắc Giang, Phú Thọ, Sơn La...

– Lâm nghiệp: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có tổng diện tích rừng lớn (chiếm 36,5% diện tích rừng cả nước, năm 2021).

Bảng 9.2. Số lượng trâu, bò, lợn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: triệu con)

Vật nuôi	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2021
Trâu	1,6	1,4	1,2
Bò	1,0	0,9	1,2
Lợn	6,6	6,8	5,5

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2011, 2016 và 2022)

Bảng 9.3. Diện tích rừng và sản lượng gỗ ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2010 – 2021

	2010	2015	2021
Tổng diện tích rừng (triệu ha)	4,6	5,0	5,3
Rừng tự nhiên (triệu ha)	3,5	3,7	3,7
Rừng trồng (triệu ha)	1,1	1,3	1,6
Sản lượng gỗ khai thác (triệu m ³)	1,3	2,8	5,3

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2011, 2016 và 2022)

Khai thác chế biến gỗ và lâm sản: Năm 2021, sản lượng gỗ khai thác từ rừng sản xuất là gần 5,4 triệu m³ (chiếm 28,4% sản lượng gỗ cả nước), chủ yếu là gỗ tròn, gỗ xẻ ngoài ra còn khai thác tre, nứa... Ngành khai thác và chế biến gỗ phát triển và phân bố ở nhiều tỉnh trong vùng như Tuyên Quang, Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái...

Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng: Việc trồng rừng ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ được quan tâm nên diện tích rừng trồng tăng 0,5 triệu ha từ năm 2010 đến 2021.

Hình 7. Phần Hình thành kiến thức mới của Bài 9 – phần Địa lí

Nội dung bổ trợ, mở rộng, nâng cao chiếm khoảng từ 10 đến 15% nội dung của bài học tùy theo từng bài bao gồm *Em có biết?* và *Nhân vật lịch sử*, trong đó cung cấp các thông tin (có thể là tư liệu gốc, tư liệu phái sinh, hoặc tư liệu do chính các tác giả tập hợp và biên soạn lại ngắn gọn). Đây là những nội dung mở rộng, nâng cao hoặc có tính tích hợp, liên môn với các môn học khác nhằm làm rõ hơn nội dung chính của mục, của bài.

– Phần Luyện tập – Vận dụng

Ở cuối mỗi bài học, SGK đã xây dựng hệ thống câu hỏi và bài tập nhằm tạo điều kiện để HS luyện tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng được hình thành trong bài học. Trong đó:

+ Luyện tập: bao gồm các câu hỏi, bài tập, bài thực hành để HS củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện kĩ năng.

Ở phần Lịch sử có nhiều dạng bài được thiết kế đa dạng như: có bài yêu cầu HS lập bảng hệ thống hoá kiến thức bài học (phần Luyện tập, bài 1); hoàn thành trục thời gian lịch sử (phần Luyện tập, bài 4), vẽ sơ đồ tư duy (phần Luyện tập, bài 9); nhận xét bảng số liệu và biểu đồ (phần Luyện tập, bài 21);...

Ở phần Địa lí cũng nhiều dạng bài tập cho HS như: dạng rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ dựa vào bảng số liệu cho sẵn (phần Luyện tập, câu 1, bài 1; câu 1, bài 17); dạng yêu cầu dựa vào bảng số liệu hoặc bản đồ để khai thác sâu hơn các đối tượng như dựa vào bảng số liệu sắp xếp các vùng ở nước ta về thu nhập bình quân đầu người/tháng

theo thứ tự từ cao đến thấp (phần Luyện tập, câu 2, bài 1), xác định nơi phân bố các đối tượng (phần Luyện tập, câu 2, bài 17; câu 2, bài 19); dạng yêu cầu HS hệ thống hoá kiến thức như vẽ sơ đồ (phần Luyện tập câu 2, bài 4), lập bảng tóm tắt (phần Luyện tập bài 11; câu 2, bài 6; câu 1, bài 9), lập sơ đồ (phần Luyện tập, câu 2, bài 13), sơ đồ hoá (phần Luyện tập, câu 1, bài 19); dạng đòi hỏi HS thể hiện được quan điểm, đánh giá cá nhân như chứng minh, tìm ví dụ (phần Luyện tập, câu 1 và 2 bài 15);...

+ Vận dụng: bao gồm các câu hỏi, yêu cầu giúp HS sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn. Phần này cũng được thiết kế với nhiều yêu cầu khác nhau.

Đối với phần Lịch sử, có bài yêu cầu HS liên hệ quá khứ với tình hình hiện tại, sử dụng kiến thức lịch sử để giải thích tình hình hiện nay (phần Vận dụng, các bài 1, 2, 10, 13,...); nêu quan điểm cá nhân (phần Vận dụng, các bài 3, 7); biên soạn thông tin lịch sử, tiểu sử nhân vật lịch sử từ tư liệu đã có hoặc sưu tầm (phần Vận dụng, các bài 4, 6, 15), thực hiện phóng sự ảnh (phần Vận dụng, bài 9),...

Đối với phần Địa lí cũng được thiết kế với nhiều dạng bài: có bài yêu cầu HS viết báo cáo thể hiện những nội dung theo yêu cầu (phần Vận dụng, các bài 1, 2); có bài yêu cầu sưu tầm tư liệu hình ảnh và thông tin (phần Vận dụng, các bài 11, 15,...); có bài yêu cầu HS trình bày những thông tin sưu tầm được (phần Vận dụng, các bài 8, 9,...);...

Ví dụ:

Trong phần Lịch sử, ở **Bài 18. Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975** như sau:



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

Hãy lập bảng hệ thống những thắng lợi tiêu biểu của quân dân hai miền Nam – Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 – 1975).

Vận dụng

Dựa vào kiến thức đã học trong bài, đọc tư liệu 18.17 và quan sát bức ảnh lịch sử bên cạnh, hãy:

- Nêu những chi tiết trong bức ảnh tư liệu tương đồng với mô tả của báo Go-di-ân (Anh) về ngày 30 – 4 – 1975 ở Sài Gòn.
- Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) về chiến thắng lịch sử 30 – 4 – 1975 với chủ đề: “Giá trị của hoà bình trong chiến thắng quân sự ngày 30 – 4 – 1975 tại Sài Gòn”.



Hình 8. Phần Luyện tập – Vận dụng của Bài 18 – phần Lịch sử

Trong phần Địa lí, ở **Bài 11. Vùng Đồng bằng sông Hồng** như sau:



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

Hãy lựa chọn một ngành kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng và trình bày tóm tắt tình hình phát triển, phân bố của ngành kinh tế đó.

Vận dụng

Sưu tầm thông tin về một trung tâm công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng.

Hình 9. Phần Luyện tập – Vận dụng của Bài 11 – phần Địa lí

2.4. Những khác biệt giữa SGK theo CTGDPT 2018 (SGK mới) và SGK theo CTGDPT 2006 (SGK hiện hành)

Điểm khác biệt đầu tiên và dễ thấy nhất chính là tên môn học: ở Chương trình SGK hiện hành đây là 2 môn học riêng: môn Lịch sử, môn Địa lí; còn ở chương trình 2018 thì đây là một môn Lịch sử và Địa lí với 2 phần.

Về mạch nội dung, phần Lịch sử được xây dựng theo lát cắt đồng đại kết nối các không gian lịch sử: thế giới, khu vực và Việt Nam trong cùng một khung thời gian tương ứng từ năm 1918 đến nay.

Còn phần Địa lí theo logic không gian từ đại cương → khu vực → Việt Nam. Trong phần Địa lí 9, cả SGK hiện hành và SGK mới đều thể hiện nội dung Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam, theo logic dân cư, xã hội → kinh tế → sự phân hoá lãnh thổ các vùng kinh tế.

Điểm khác nhau cơ bản về nội dung thể hiện ở:

– Trong SGK mới, cấu trúc đã được sắp xếp lại cô đọng và phù hợp hơn, đáp ứng được yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018. Mục lục cũng được đưa về đầu trang để GV và HS thuận tiện theo dõi bài học.

– Phân phối tiết học được thực hiện linh hoạt theo thực tế, giúp GV có thể chủ động điều chỉnh phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, cụ thể các nội dung được thiết kế trong 1 bài học giúp GV thuận lợi và chủ động hơn trong việc phân phối số tiết dạy. Ví dụ các bài trong chương 3. Sự phân hoá lãnh thổ, mỗi vùng được cấu tạo thành 1 bài hoàn chỉnh thể hiện đầy đủ các nội dung của một vùng kinh tế.

– SGK mới có các chủ đề chung.

– SGK hiện hành mặc dù cũng có tích hợp giữa Địa lí và Lịch sử nhưng không rõ ràng, còn SGK mới khả năng tích hợp Địa lí trong Lịch sử và Lịch sử trong Địa lí đã được thể hiện rất rõ nét.

2.4.1. Về kết cấu chương và bài

2.4.1.1. Phần Lịch sử

Giống như SGK các lớp 6, 7, 8, phần Lịch sử ở SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) cũng có những sự khác biệt về thời gian, số lượng chương, bài, cách tiếp cận, kênh chữ, kênh hình và cách sử dụng, hệ thống câu hỏi,...

Nội dung so sánh	SGK hiện hành	SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9 – phần Lịch sử</i> (bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>)
Phạm vi thời gian	– LSTG: từ năm 1945 đến nay. – LSVN: từ năm 1919 đến nay.	– LSTG: từ năm 1918 đến nay. – LSVN: từ năm 1918 đến nay.
Cấu trúc sách	– Chia thành 2 phần tách biệt là lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam. – Trình bày theo trình tự: lịch sử thế giới trước rồi đến lịch sử Việt Nam.	Trình bày xen kẽ nội dung lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam theo từng giai đoạn tương đương.
Số chương, bài, số trang	– LSTG: 5 chương, 13 bài, 54 trang. – LSVN: 7 chương, 21 bài, 129 trang. – Không có chủ đề chung.	Tuỳ theo tình hình thực tiễn của các cơ sở giáo dục, có thể có 3 phương án sau: – Phương án 1: LSTG: 20 tiết; LSVN: 22 tiết và kiểm tra đánh giá: 5 tiết (theo CTGDPT 2018); – Phương án 2: LSTG: 20 tiết; LSVN: 20 tiết (cân đối hợp lí giữa CTGDPT 2018 và Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp) để đảm bảo 7 tiết kiểm tra đánh giá (theo Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH); – Phương án 3: LSTG: 22 tiết; LSVN: 18 tiết, kiểm tra đánh giá: 7 tiết (theo Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH). Ngoài ra, có 3 chủ đề chung: 1. Đô thị: Lịch sử và hiện tại; 2. Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; 3. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Nội dung so sánh	SGK hiện hành	SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> – phần <i>Lịch sử</i> (bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>)
Xu hướng chủ đạo	Diễn dịch.	Quy nạp.
Tổ chức học tập	– HS được cung cấp các khái niệm, các sự kiện trước. – GV phân tích ví dụ, tình huống, phân tích tư liệu để làm rõ, làm minh chứng.	HS được giao nhiệm vụ tìm hiểu, nghiên cứu sự kiện, nhân vật, sự vật, hiện tượng, tình huống làm cơ sở cho việc đi đến đúc kết các nhận định, kết luận.
Số lượng kênh hình và cách sử dụng kênh hình	– Ít hơn. – Hầu hết các hình chỉ là minh họa, không sử dụng khai thác phục vụ cho bài học.	– Nhiều hơn. – Các hình dùng để tổ chức hoạt động học tập nhiều hơn, chủ yếu là hình tư liệu gốc để GV khai thác, sử dụng cho hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực.
Kênh chữ	– Mở đầu là tóm tắt nội dung của bài; không xác định mục tiêu bài học. – Chính văn đặt trước câu hỏi. – Bài đọc thêm (dài hơn, phần riêng, không dùng để khai thác kiến thức).	– Mở đầu gồm 2 nội dung: (1) Xác định mục tiêu bài học; (2) Dẫn nhập gợi mở, tạo hứng thú khám phá. – Chính văn đặt sau câu hỏi, tình huống, giao nhiệm vụ học tập cho HS ngay đầu mỗi đề mục. – <i>Em có biết</i> hoặc <i>Nhân vật lịch sử</i> (ngắn, xen lẫn trong bài nhằm bổ sung thông tin, đôi khi để khai thác kiến thức).
Câu hỏi	– Giữa bài. – Cuối bài (không phân biệt câu hỏi luyện tập và vận dụng).	– Ngay sau đề mục. – Cuối bài (phân biệt rõ câu hỏi câu hỏi luyện tập và câu hỏi vận dụng).
Kết luận	Phù hợp với dạy học theo định hướng tiếp cận nội dung.	Thuận lợi cho hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực của HS.

2.4.1.2. Phần *Địa lí*

SGK hiện hành: gồm 4 phần với 44 bài lí thuyết và thực hành, cụ thể là: phần Địa lí dân cư (4 bài lí thuyết và 1 bài thực hành), phần Địa lí kinh tế (9 bài lí thuyết và 2 bài thực hành), phần Sự phân hoá lãnh thổ (17 bài lí thuyết và 7 bài thực hành), phần Địa lí địa phương (3 bài lí thuyết và 1 bài thực hành).

SGK mới: có kết cấu bài gọn gàng hơn, số bài đã được giảm bớt lại nhưng vẫn đảm bảo đủ nội dung, bao gồm 3 chương và 23 bài, cụ thể: Chương 1. Địa lí dân cư Việt Nam (2 bài lí thuyết và 1 bài thực hành); Chương 2. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam (3 bài lí thuyết và 2 bài thực hành); Chương 3. Sự phân hoá lãnh thổ (8 bài lí thuyết và 7 bài thực hành). Nội dung địa lí địa phương về các tỉnh, thành phố ở SGK hiện hành đã được giảm tải.

2.4.2. Về các tiểu mục và nội dung các câu hỏi hoạt động

SGK hiện hành: có nhiều tiểu mục chỉ cung cấp kiến thức – thông tin chứ không có câu hỏi hoặc nhiệm vụ học tập. Các câu hỏi thường được đặt xen kẽ với phần nội dung chính (chính văn), có khi được đặt ở đầu nội dung, có tiểu mục được đặt ở cuối nội dung.

SGK mới: tất cả các tiểu mục đều xác định yêu cầu cần đạt thông qua các câu hỏi định hướng hoặc các nhiệm vụ học tập được nêu cụ thể. Vị trí của hệ thống câu hỏi được thể hiện ở ngay sau tiểu mục. Dạng câu hỏi cũng đã được thiết kế đa dạng hơn, từ mức độ đơn giản đến mức độ nâng cao theo thang Bloom, giúp HS có thể phát triển đầy đủ các thành phần năng lực địa lí.

2.4.3. Về nội dung của sách

SGK hiện hành: số lượng bài tương đối nhiều, nội dung được thiết kế chia nhỏ thành từng bài, ví dụ các bài vùng kinh tế đều được chia nhỏ thành 3 – 4 bài, một số bài mang tính khái quát như sự phát triển nền kinh tế Việt Nam. Các bài thực hành chủ yếu là các bài rèn luyện kĩ năng về phân tích biểu đồ, bảng số liệu.

SGK mới: số lượng các bài được giảm bớt giúp HS xác định rõ cấu trúc của sách và các vấn đề kinh tế – xã hội ở Việt Nam, ví dụ mỗi ngành kinh tế, vùng kinh tế được cấu trúc trong 1 bài lí thuyết và 1 bài thực hành.

Số lượng các bài thực hành khá nhiều giúp HS rèn luyện kĩ năng, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu cần đạt về nội dung của CTGDPT 2018, đồng thời hình thức các bài thực hành cũng đã có nhiều đổi mới so với SGK hiện hành, mang hướng phát triển năng lực cho người học, HS tìm kiếm tư liệu, viết báo cáo, phân tích vấn đề, vẽ sơ đồ,... đây là điểm thay đổi đáng lưu ý vì nó đáp ứng được các yêu cầu rèn luyện năng lực cho người học, rèn luyện năng lực tư duy, nhìn nhận và giải quyết vấn đề,...

SGK mới cũng tuân thủ yêu cầu của chương trình, không đề cập đến nội dung địa lí địa phương, vì nội dung này được tách riêng trong môn học mới. Thay vào đó, SGK mới sẽ có thêm những vấn đề thiết thực, cập nhật như phát triển nông nghiệp xanh và các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, công nghiệp xanh, một số xu hướng phát triển mới trong thương mại và du lịch, hạn hán và sa mạc ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận, vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ,...

SGK mới vừa kế thừa các nội dung của SGK hiện hành, đồng thời ở từng chương, từng đơn vị bài học cũng có những nội dung mới, hoặc cách tiếp cận các nội dung cũng khác so với trước đây. Nội dung SGK mới có thể được giảm tải hoặc được thay bằng các thông tin trên bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu, cập nhật các quy định mới của Nhà nước về phân loại, tên gọi, phân vùng, cập nhật và lựa chọn những nội dung mới mang tính thời sự và gắn với thực tiễn hiện nay của nước ta, đồng thời biên soạn bám sát với mục tiêu của CTGDPT 2018, cấu trúc lại nội dung cũng như xây dựng bài lí thuyết hay thực hành, cụ thể:

+ Trong Chương 1 ở SGK hiện hành được thể hiện là 1 bài lí thuyết riêng, SGK mới có hai bài lí thuyết và một bài thực hành, nội dung thực hành ở **Bài 3. Thực hành: Phân tích vấn đề việc làm ở địa phương**, HS phải tự tìm kiếm thông tin và hoàn thành bài phân tích của mình theo các gợi ý và phụ lục liên quan tới vấn đề mà SGK mới cung cấp.

+ Trong Chương 2, **Bài 6. Công nghiệp**, SGK mới đã giảm tải nội dung cơ cấu ngành công nghiệp và đi vào trình bày trực tiếp các ngành công nghiệp, tên gọi các ngành công nghiệp cũng cập nhật thay đổi theo quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 07 năm 2018, ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam như *công nghiệp khai thác nhiên liệu* (SGK hiện hành) đổi thành *công nghiệp khai thác dầu thô và khí tự nhiên* (SGK mới); *công nghiệp điện* (SGK hiện hành) đổi thành *công nghiệp sản xuất điện* (SGK mới); *công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm* (SGK hiện hành) đổi thành *công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm* (SGK mới);... nội dung các trung tâm công nghiệp lớn cũng đã được giảm tải thay bằng quy mô các trung tâm thể hiện trên Bản đồ công nghiệp Việt Nam, 2021.

+ Trong Chương 3. **Bài 11. Vùng Đồng bằng sông Hồng**, nội dung phạm vi lãnh thổ thay đổi, bổ sung thêm tỉnh Quảng Ninh theo quy hoạch mới nhất của Nhà nước, vấn đề đô thị hoá, vị thế của Thủ đô Hà Nội. **Bài 15. Duyên hải Nam Trung Bộ** trong SGK mới chỉ tập trung về phân bố dân cư, dân tộc so với SGK hiện hành trình bày toàn bộ đặc điểm dân cư – xã hội, SGK mới có bổ sung thêm nội dung những chuyển biến trong phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ,...

Số liệu của các bản đồ, biểu đồ, bảng thông tin đã được cập nhật mới nhất đến năm 2021, một số quan niệm hiện đại cũng được cập nhật như GRDP, vùng động lực,... phân vùng theo quy hoạch mới là 6 vùng kinh tế: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt là hệ thống bản đồ đã được chuẩn hoá, được đầu tư xây dựng kĩ lưỡng, công phu, đảm bảo về nội dung và tính trực quan, giúp HS khai thác tốt hơn để hoàn thành nhiệm vụ học tập, đáp ứng các yêu cầu cần đạt.

Ngoài ra, SGK mới còn bổ sung các mục nội dung thông tin bổ trợ giúp HS tiếp cận dễ dàng và cập nhật thêm kiến thức cho bài học của mình.

2.4.4. Về hình thức của sách

SGK hiện hành: với số lượng bài nhiều chia ra các nội dung khác nhau thì nội dung kênh chữ cũng tương đối nhiều. Các bản đồ được thể hiện bằng các lược đồ, chưa có các hệ toạ độ, chưa chi tiết và còn thiếu nhiều yếu tố.

SGK mới: số lượng các bài đã giảm bớt nên các nội dung được trình bày cô đọng trong một đơn vị bài. Hệ thống kênh chữ và kênh hình được trình bày logic với các khổ chữ và màu chữ khác nhau, các câu hỏi định hướng được biểu thị bằng các khung màu ngay dưới tiêu mục giúp phân biệt rất rõ.

Các phần nội dung của bài được thiết kế đồng bộ và hệ thống từ mở đầu (yêu cầu cần đạt và đoạn văn mở đầu) → khám phá kiến thức → luyện tập và vận dụng, giúp người học có thể theo dõi và nắm được trình tự của bài.

Kênh hình được thiết kế phong phú, ngoài hình ảnh còn có sơ đồ, biểu đồ, bảng thông tin,... các dữ liệu được trích nguồn đầy đủ và cập nhật, hình ảnh có độ phân giải cao.

2.5. Phân tích một số chủ đề/ bài học đặc trưng

– Ví dụ 1:

Trong phần Địa lí 9, có nhiều yêu cầu mới mà HS phải thực hiện, đó là các yêu cầu về phân tích đặc điểm của điều kiện tự nhiên và kinh tế – xã hội, đây một biểu hiện của thành phần năng lực *Nhận thức khoa học Địa lí*; bên cạnh đó là yêu cầu liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí – một biểu hiện của thành phần năng lực *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*. Điều này phù hợp với chương trình phân môn Địa lí 9, vì nội dung các hợp phần địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam gần gũi với các em HS, các em có thể tìm hiểu và tự liên hệ đến thực tế, địa phương, vùng miền để hiểu sâu sắc kiến thức các em đã học. Chính vì vậy, trong SGK mới đã chú ý đến những yêu cầu này khi thiết kế các bài học, vừa đảm bảo những chi tiết về nội dung lí thuyết, vừa đảm bảo khả năng kết nối – liên hệ thực tiễn.

Bài 1. Dân cư và dân tộc, chất lượng cuộc sống được xây dựng gồm 3 phần: 1) Đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam, 2) Gia tăng dân số và cơ cấu dân số, 3) Phân hoá thu nhập theo vùng, trong đó, ở phần 2) Gia tăng dân số và cơ cấu dân số, SGK mới đã thể hiện đầy đủ 2 đặc điểm gồm:

+ Gia tăng dân số (thông tin SGK cung cấp gồm đoạn chính văn kết hợp với Bảng 1.1. Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở Việt Nam, giai đoạn 1999 – 2021).

+ Cơ cấu dân số (thông tin SGK cung cấp gồm đoạn chính văn kết hợp với Bảng 1.2. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta, giai đoạn 1999 – 2021 và mục *Em có biết?* về cơ cấu dân số vàng).

Cấu trúc này giúp cho HS tìm hiểu một cách liên mạch nội dung về đặc điểm dân số Việt Nam với tình hình gia tăng dân số và cơ cấu dân số ở nước ta. HS được tiếp cận nhiều nguồn dữ liệu đa dạng kênh hình và kênh chữ, được rèn luyện kĩ năng nhận xét

bảng số liệu thống kê về sự thay đổi của quy mô và tỉ lệ gia tăng dân số, sự thay đổi cơ cấu dân số ở nước ta, cũng như phát triển năng lực giải thích được sự thay đổi của cơ cấu dân số theo tuổi và theo giới tính của dân cư ở nước ta.

– Ví dụ 2:

Bài 8. Dịch vụ, có YCCĐ “*Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ*”, có thể thấy những yêu cầu về liên hệ thực tiễn được chú trọng trong chương trình mới, đồng thời phát huy tính sáng tạo cũng như năng lực khai thác kiến thức của HS, HS lựa chọn nhân tố nào quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ của nước ta, HS cần đưa ra được những ví dụ thực tiễn cụ thể chứng minh được vai trò của nhân tố mình lựa chọn. Trong bài còn có YCCĐ “*Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính*”, SGK mới đã thiết kế một mục riêng với nhiệm vụ học tập yêu cầu HS rèn luyện kỹ năng địa lí xác định trên bản đồ các đối tượng giao thông vận tải ở nước ta.

2.6. Phân phối chương trình gợi ý

2.6.1. Phần Lịch sử⁽¹⁾

STT	Bài học	Số tiết
Chương 1. Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945		6
1	Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945	1
2	Bài 2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945	2
3	Bài 3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945	1
4	Bài 4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)	2
Chương 2. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945		8
5	Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930	1
6	Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2
7	Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939	2
8	Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945	3

⁽¹⁾ Hiện tại, bảng phân phối chương trình đang chia theo phương án 1 (theo CTGDPT 2018). Còn nếu theo phương án 2 (cân đối, hợp lý giữa CTGDPT 2018 và Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp) thì phần Lịch sử Việt Nam giảm bớt 2 tiết: rút 1 tiết của Bài 8 – Chương 2 và 1 tiết của Bài 18 – Chương 4.

STT	Bài học	Số tiết
Chương 3. Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991		8
9	Bài 9. Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)	1
10	Bài 10. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991	2
11	Bài 11. Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991	2
12	Bài 12. Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991	1
13	Bài 13. Một số nước ở châu Á từ năm 1945 đến năm 1991	2
Chương 4. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991		13
14	Bài 14. Xây dựng và bảo vệ chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (từ tháng 9 – 1945 đến tháng 12 – 1946)	2
15	Bài 15. Những năm đầu Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1950)	2
16	Bài 16. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi (1951 – 1954)	2
17	Bài 17. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1965	2
18	Bài 18. Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975	3
19	Bài 19. Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991	2
Chương 5. Thế giới từ năm 1991 đến nay		5
20	Bài 20. Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay	1
21	Bài 21. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay	2
22	Bài 22. Châu Á từ năm 1991 đến nay	2
Chương 6. Việt Nam từ năm 1991 đến nay		1
23	Bài 23. Công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay	1
Chương 7. Cách mạng khoa học, kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá		1
24	Bài 24. Cách mạng khoa học, kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá	1

2.6.2. Phần Địa lí

STT	Bài học	Số tiết
Chương 1. Địa lí dân cư Việt Nam		4
1	Bài 1. Dân cư và dân tộc, chất lượng cuộc sống	2
2	Bài 2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư	1
3	Bài 3. Thực hành: Phân tích vấn đề việc làm ở địa phương	1
Chương 2. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam		12
4	Bài 4. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	3
5	Bài 5. Thực hành. Viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả	1
6	Bài 6. Công nghiệp	3
7	Bài 7. Thực hành: Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta	1
8	Bài 8. Dịch vụ	4
Chương 3. Sự phân hoá lãnh thổ		25
9	Bài 9. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	2
10	Bài 10. Thực hành: Vẽ sơ đồ thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	1
11	Bài 11. Vùng Đồng bằng sông Hồng	3
12	Bài 12. Thực hành: Sơ tầm tư liệu và trình bày về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	1
13	Bài 13. Bắc Trung Bộ	2
14	Bài 14. Thực hành: Tìm hiểu vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ	1
15	Bài 15. Duyên hải Nam Trung Bộ	2
16	Bài 16. Thực hành: Phân tích ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận	1
17	Bài 17. Vùng Tây Nguyên	3
18	Bài 18. Thực hành: Vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế – xã hội ở Tây Nguyên	1
19	Bài 19. Vùng Đông Nam Bộ	2
20	Bài 20. Thực hành: Viết báo cáo về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	1

STT	Bài học	Số tiết
21	Bài 21. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2
22	Bài 22. Thực hành: Phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long	1
23	Bài 23. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo	2
Chủ đề chung⁽¹⁾		9
1	Chủ đề chung 1. Đô thị: Lịch sử và hiện tại	3
2	Chủ đề chung 2. Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long	3
3	Chủ đề chung 3. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	3

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

3.1. Phần Lịch sử

3.1.1. Những yêu cầu cơ bản về PPDH

Ngày nay, dạy học tiếp cận phát triển năng lực đã phổ biến trên thế giới và đang được triển khai trong nền giáo dục ở Việt Nam. Cách tiếp cận giáo dục này đặt ra yêu cầu cơ bản là lấy người học làm trung tâm.

Dạy học tiếp cận nội dung và dạy học tiếp cận phát triển năng lực có những khác biệt trên 6 tiêu chí sau đây:

Tiêu chí	Dạy học tiếp cận nội dung	Dạy học tiếp cận phát triển năng lực
Mục tiêu dạy học	– Chú trọng hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ; mục tiêu dạy học được mô tả không chi tiết và khó có thể đo lường, đánh giá toàn diện. – Chủ yếu tiếp nhận nội dung kiến thức.	– Chú trọng hình thành phẩm chất và năng lực thông qua việc hình thành kiến thức, kỹ năng; mục tiêu dạy học được mô tả chi tiết và có thể đo lường, đánh giá được. – Các năng lực được hình thành thông qua quá trình học tập.

⁽¹⁾ Gồm 9 tiết. Chủ đề chung 1 và chủ đề chung 3 được dạy cùng với phần Lịch sử, còn chủ đề chung 2 dạy cùng với phần Địa lí.

Tiêu chí	Dạy học tiếp cận nội dung	Dạy học tiếp cận phát triển năng lực
Nội dung dạy học	- Nội dung được lựa chọn dựa vào các khoa học chuyên môn, được quy định chi tiết trong chương trình. - Chú trọng hệ thống kiến thức lí thuyết, sự phát triển tuần tự của các khái niệm, định luật, học thuyết khoa học. SGK được trình bày liền mạch thành hệ thống kiến thức. - Việc quy định cứng nhắc những nội dung chi tiết trong chương trình dễ bị thiếu tính cập nhật.	- Nội dung được lựa chọn nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã quy định; chương trình chỉ quy định những nội dung chính. - Chú trọng các kĩ năng thực hành, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn. SGK không trình bày thành hệ thống mà phân nhánh và xen kẽ kiến thức với hoạt động. - Nội dung chương trình không quá chi tiết, có tính mở nên tạo điều kiện để người dạy dễ cập nhật thông tin mới.
PPDH	- Người dạy là người truyền thụ tri thức, HS tiếp thu những tri thức được quy định sẵn. - Người học có phần “thụ động”, ít phản biện. - Giáo án thường được thiết kế theo trình tự đường thẳng, chung cho cả lớp. - Người học khó có điều kiện tìm tòi bởi kiến thức đã được có sẵn trong sách. - GV sử dụng nhiều PPDH theo chiến lược tiếp cận trực tiếp (thuyết trình, hướng dẫn thực hành, trực quan,...).	- Người dạy chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ người học phát triển các năng lực đã xác định trong chương trình học và mục tiêu bài học. - Chú trọng các tổ chức hoạt động, người học chủ động tham gia các hoạt động; chú trọng hướng dẫn người học từ khám phá. - Giáo án được thiết kế theo hướng phân hoá, phù hợp với các đối tượng HS đa dạng. - Người học có nhiều cơ hội được bày tỏ ý kiến, phản biện, tranh luận. - GV chủ yếu sử dụng nhiều PPDH tích cực (giải quyết vấn đề, hợp tác, khám phá,...) kết hợp PPDH truyền thống.
Môi trường học tập	Thường sắp xếp cố định (theo các dãy bàn), người dạy ở vị trí trung tâm.	Có tính linh hoạt, người dạy không luôn luôn ở vị trí trung tâm.

Tiêu chí	Dạy học tiếp cận nội dung	Dạy học tiếp cận phát triển năng lực
Đánh giá	– Tiêu chí đánh giá chủ yếu được xây dựng dựa trên kiến thức, kĩ năng, thái độ gắn với nội dung đã học, chưa quan tâm đầy đủ tới khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. – Người dạy thường được toàn quyền trong đánh giá.	– Quan tâm tới sự tiến bộ của người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. – Người học được tham gia vào đánh giá lẫn nhau. – Sử dụng đa dạng phương pháp và công cụ đánh giá.
Sản phẩm giáo dục	– Tri thức người học có được chủ yếu là ghi nhớ. – Do kiến thức có sẵn nên người học phụ thuộc vào giáo trình/ tài liệu/ SGK. – Ít chú ý đến khả năng ứng dụng nên sản phẩm giáo dục là những con người ít năng động, sáng tạo.	– Các năng lực và phẩm chất được xác định trong chương trình học. – Tư duy tự chủ trong tìm hiểu, nhận xét và trình bày sự kiện, vấn đề lịch sử không phụ thuộc vào giáo trình/ tài liệu/ SGK. – HS năng động, tự tin.

Hiện nay, trong dạy học Lịch sử tại các trường phổ thông, GV đã kết hợp việc sử dụng các PPDH truyền thống (diễn giảng, phát vấn,...) và PPDH, KTDH tích cực (PPDH: hợp tác, giải quyết vấn đề, khám phá, dự án,...; KTDH (khăn trải bàn, phòng tranh, chia sẻ nhóm đôi, kĩ thuật Kipling (5W1H), các mảnh ghép, động não, tia chớp, sơ đồ tư duy,...). Riêng phần Lịch sử còn có một PPDH đặc trưng nữa là dạy học lịch sử qua sử dụng tài liệu. Do vậy, tiếp theo SGK lớp 8, các tác giả SGK *Lịch sử và Địa lí 9* – phần Lịch sử (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) đã cung cấp cấp hệ thống tư liệu (tư liệu gốc, tư liệu nghiên cứu, tư liệu hiện vật,...) phong phú, đa dạng và thiết kế các câu hỏi trong từng phần của bài học, luyện tập, vận dụng theo hướng tạo điều kiện để GV áp dụng PPDH vừa nêu vào trong thực tiễn dạy học.

Trong việc tổ chức dạy học phần Lịch sử, GV cần sử dụng, kết hợp nhiều hình thức tổ chức, phương pháp và kĩ thuật dạy học đa dạng nhằm khuyến khích HS tìm hiểu lịch sử, tranh luận – phản biện, nêu và bảo vệ quan điểm cá nhân trong nhận thức, đánh giá sự kiện, vấn đề lịch sử. Qua đó, hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất, năng lực được quy định tại chương trình học và tạo điều kiện để HS có dịp trải nghiệm các hoạt động mà các nhà Sử học vẫn đang thực hiện.

Điều GV cần chú ý là phải chủ động lựa chọn được các PPDH và KTDH phù hợp với đối tượng HS; phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục cụ thể trong kế hoạch

dạy học; phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và địa phương nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

3.1.2. Hướng dẫn và gợi ý một số PPDH cơ bản

Như đã trình bày ở trên, PPDH Lịch sử rất phong phú, đa dạng. Mỗi phương pháp đều có ưu điểm riêng và chỉ thật sự phát huy hiệu quả nếu được GV vận dụng phù hợp, sáng tạo trong hoạt động học gắn với bài học cụ thể. Trong quá trình dạy học, dù chọn PPDH nào làm chủ đạo thì GV vẫn cần hướng đến phát huy được tính tích cực chủ động học tập của HS.

3.1.2.1. Vận dụng PPDH hợp tác

Dạy học hợp tác là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS làm việc theo nhóm để cùng nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra.

Dạy học hợp tác có một số đặc điểm sau đây:

- Có hoạt động xây dựng nhóm;
- Có sự phụ thuộc (tương tác) lẫn nhau một cách tích cực;
- Có ràng buộc trách nhiệm cá nhân – trách nhiệm nhóm;
- Hình thành và phát triển kỹ năng hợp tác.

Ví dụ:

Hoạt động 1 – Bài 10. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991



- *Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991. Dựa vào tư liệu 10.1 và 10.2, hãy nêu nhận xét về sự phát triển của công nghiệp ở Liên Xô.*
- *Liên Xô đã sụp đổ như thế nào? Hãy giải thích lí do của sự sụp đổ đó.*

Hình 10. Câu hỏi ở Hoạt động 1 của Bài 10 – phần Lịch sử

Vận dụng PPDH: hợp tác; KTDH: phòng tranh.

Tổ chức thực hiện:

1. Chuẩn bị:

- Lập nhóm.
- Giấy A0, bút màu, một số hình ảnh tư liệu về tình hình Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991 từ SGK hay sưu tầm thêm.

2. Giao nhiệm vụ học tập:

- Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991.

– Nêu ý kiến của nhóm: Dựa vào tư liệu 10.1 và 10.2, hãy nêu nhận xét về sự phát triển của công nghiệp ở Liên Xô.

3. Hướng dẫn HS thực hiện:

– Sơ đồ tư duy có 4 nhánh chính: (1) Chính trị; (2) Kinh tế; (3) Xã hội; (4) Văn hoá.
– Các nhóm HS lựa chọn thông tin trong SGK để thể hiện trên sơ đồ tư duy; đồng thời, sử dụng các hình ảnh đã chuẩn bị để trang trí.

– Các nhóm HS nêu ý kiến của nhóm: *Dựa vào tư liệu 10.1 và 10.2, hãy nêu nhận xét về sự phát triển của công nghiệp ở Liên Xô.* Lưu ý: ý kiến chỉ được nêu ngắn gọn trên sơ đồ tư duy; khi thuyết trình, các nhóm HS mới diễn giải cụ thể.

– Sau khi hoàn thành sơ đồ tư duy, các nhóm HS treo và dán trên lớp.

4. Báo cáo kết quả:

– GV mời 1 – 2 nhóm HS trình bày.
– Các nhóm tham quan và bình chọn sơ đồ tư duy có thông tin được trình bày đầy đủ, chính xác và đẹp nhất.

– Công cụ đánh giá: bảng tiêu chí Rubrics.

– Hoạt động dạy học (của ví dụ này) góp phần thực hiện YCCĐ: *“Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991”*; hình thành các năng lực:

+ Tìm hiểu lịch sử: khai thác và sử dụng thông tin của các tư liệu 10.1, 10.2, 10.3, 10.4, 10.5, 10.6, 10.7, 10.8, 10.9, 10.10, 10.11 để nhận thức về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

3.1.2.2. Vận dụng PPDH trực quan

Dạy học trực quan là PPDH được GV sử dụng khi dùng phương tiện trực quan nhằm xây dựng cho HS những biểu tượng về sự vật, hiện tượng, hình thành khái niệm thông qua sự tri giác trực tiếp bằng các giác quan của người học.

Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng trong quá trình dạy học giúp hình thành mục tiêu dạy học. Phương tiện trực quan trong phần Lịch sử 9 gồm nhiều loại như: lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh,... Trong dạy học Lịch sử, GV sử dụng các phương tiện trực quan này để tổ chức hoạt động học tập nhằm hình thành các biểu tượng, nhận thức về khái niệm, sự kiện lịch sử và các mối liên hệ giữa chúng.

Sử dụng PPDH trực quan kết hợp với các PPDH khác tạo điều kiện để HS “đọc” được thông tin lịch sử mà lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh,... chuyển tải, từ đó, góp phần nhận thức rõ ràng hơn về diện mạo quá khứ, bản chất sự kiện – quá trình lịch sử, giải thích, phân tích nhiều vấn đề lịch sử,... Nói cách khác, PPDH trực quan,

nếu được áp dụng phù hợp, hiệu quả, sẽ góp phần phát triển đầy đủ các thành phần của năng lực lịch sử.

Ví dụ:

Hoạt động 3 – Bài 18. Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975



– Dựa vào lược đồ 18.16 và thông tin trong bài, hãy trình bày nét chính về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Hình 11. Câu hỏi ở Hoạt động 3 của Bài 18 – phần Lịch sử

Vận dụng PPDH: trực quan.

Tổ chức thực hiện:

1. Chuẩn bị:

- Lập nhóm.
- Phiếu học tập.

Diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975			
Thời gian	Hướng tiến công chính của quân Giải phóng	Hướng rút chạy của quân đội Sài Gòn	Khu vực được giải phóng
?	?	?	?
?	?	?	?
?	?	?	?

2. Giao nhiệm vụ học tập:

Sử dụng thông tin từ SGK và lược đồ 18.16 để hoàn thành phiếu học tập.

3. Hướng dẫn HS thực hiện:

Các nhóm HS hoàn thành phiếu học tập.

4. Báo cáo kết quả:

- GV mời 1 – 2 nhóm HS trình bày. Cả lớp cùng nhận xét.
- Công cụ đánh giá: bài tập.

– Hoạt động dạy học (của ví dụ này) góp phần thực hiện YCCĐ: “Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975 (đánh bại các chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...)”; hình thành các năng lực:

+ Tìm hiểu lịch sử: khai thác tư liệu 18.16 để trình bày diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

3.1.2.3. Vận dụng PPDH dự án

Dạy học dựa trên dự án là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày. PPDH này tạo điều kiện cho HS có những trải nghiệm, khám phá mới mẻ, góp phần rất tốt trong hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực chung và năng lực lịch sử ở HS.

Tuy nhiên, PPDH dự án tốn nhiều thời gian, công sức của cả GV và HS. Vì vậy, tùy theo thực tiễn địa phương, điều kiện học tập và năng lực của HS, GV thiết kế và tổ chức quy mô của dự án cho phù hợp (thông thường 1 năm học chỉ tiến hành từ 1 đến 2 dự án).

Dự án gợi ý: **Để xây đắp một tương lai**

a) Đối tượng áp dụng: HS lớp 9.

b) Đáp ứng nội dung của chương trình học:

Nội dung	YCCĐ
Thế giới từ năm 1991 đến nay: Trật tự thế giới mới	Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.
Việt Nam từ năm 1991 đến nay: – Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. – Thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.	Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh, ...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.
Cách mạng khoa học, kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá.	– Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học, kĩ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. – Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.

c) Mô tả ý tưởng:

Xu thế toàn cầu hoá và sự phát triển của cách mạng khoa học công nghệ hiện nay tạo ra cơ hội lẫn thách thức cho thế hệ trẻ trong việc nhận diện chính mình, xây dựng hình ảnh và lí tưởng của bản thân. Tham gia thực hiện dự án, HS sẽ có điều kiện hiểu rõ hơn về các vấn đề đang diễn ra trên bình diện thế giới và đất nước nhằm chuẩn bị tốt hơn cho tương lai trong hoàn cảnh thế giới hội nhập và công dân toàn cầu đang là hình tượng được phổ biến. Dưới sự hướng dẫn của GV, HS sẽ tìm hiểu các thành tựu mà thế giới và Việt Nam đã đạt được, các vấn đề mà thế giới và Việt Nam phải đối mặt. Trên cơ sở đó, HS sẽ viết một bài luận ngắn trình bày suy nghĩ riêng về những

điều HS cần chuẩn bị cho tương lai của chính mình để có thể hội nhập và phát triển cùng các làn sóng của thời đại.

d) Sản phẩm:

– Một tập hình ảnh và thuyết minh về thành tựu mà thế giới và Việt Nam đã đạt được từ đầu thế kỉ XXI đến nay.

– Một tập hình ảnh và thuyết minh về thách thức mà thế giới và Việt Nam đã đối mặt từ đầu thế kỉ XXI đến nay.

– Một bài luận ngắn trình bày suy nghĩ riêng về những điều HS cần chuẩn bị cho tương lai của chính mình để có thể hội nhập và phát triển cùng các làn sóng của thời đại.

3.1.2.4. Vận dụng PPDH lịch sử qua sử dụng tài liệu

Lịch sử là toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ và không lặp lại. Khoa học lịch sử khác với nhiều ngành khoa học khác là nền tảng của nó được xây dựng trên cơ sở những sự kiện lịch sử mà những sự kiện này chỉ còn lại trong tư liệu lịch sử. Vì vậy, các nhà sử học phải dựa trên tư liệu mới có thể khôi phục lại được quá khứ. Tư liệu gốc (bao gồm cả hiện vật, tranh ảnh, chữ viết) là loại tư liệu có giá trị nhất, mang những thông tin đầu tiên về sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử có liên quan trực tiếp và ra đời vào thời gian, không gian xảy ra sự kiện lịch sử.

Dạy học lịch sử qua sử dụng tài liệu là hoạt động tổ chức cho HS được trải nghiệm hoạt động tìm hiểu, xây dựng kiến thức lịch sử theo cách mà các nhà sử học học đã thực hiện. Qua đó, HS có điều kiện tiếp cận với nguồn tài liệu đa dạng, phong phú nhằm nâng cao hiểu biết, tăng hứng thú, dễ dàng hơn khi tiếp nhận tri thức mới. PPDH này góp phần hiệu quả trong việc hình thành các phẩm chất, năng lực chung, đặc biệt, rất có giá trị đối với việc hình thành năng lực lịch sử.

Trong dạy học Lịch sử, chúng ta có thể sử dụng tư liệu gốc ở mọi hoạt động của bài học, từ khởi động, hình thành kiến thức mới đến luyện tập và vận dụng.

Ví dụ:

Mục 2 – Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945



Hãy xây dựng niên biểu về những sự kiện chính trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Việt Nam.

– Đọc tư liệu 8.6, 8.7, hãy li giải vì sao Mặt trận Việt Minh lại thu hút được sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân.

Hai tháng sau Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, trước những chuyển biến của thời cuộc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 11 – 1939) chủ trương chuyển hướng chiến lược, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Tháng 5 – 1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 đã khẳng định nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc, tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, thuế,

39

Giữa lúc cao trào Kháng Nhật, cứu nước đang diễn ra, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp từ ngày 15 đến ngày 20 – 4 – 1945 đã quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân; mở trường đào tạo cán bộ quân sự và chính trị; xây dựng 7 chiến khu trên cả nước. Ngày 4 – 6 – 1945, Khu giải phóng Việt Bắc với “thủ đô” là Tân Trào được thành lập.



8.8. Lược đồ Khu giải phóng Việt Bắc

chia lại ruộng đất công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng. Hội nghị xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và nhấn mạnh chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân.



8.5 Lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

Để tập hợp nhân dân vì mục tiêu giải phóng dân tộc, hội nghị quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Ngày 19 – 5 – 1941, Mặt trận Việt Minh ra đời. Ngày 22 – 12 – 1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập.

Ngày 9 – 3 – 1945, Nhật tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Chính quyền thuộc địa Pháp trên toàn Đông Dương. Ngay đêm hôm đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp hội nghị mở rộng. Ngày 12 – 3 – 1945, hội nghị ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, xác định phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Hội nghị quyết định phát động cao trào Kháng Nhật, cứu nước.

Trong tháng 3 – 1945, khởi nghĩa từng phần diễn ra ở một số địa phương như Tiên Du (Bắc Ninh), Bắc Yên Nhân (Hưng Yên), Ba Tơ (Quảng Ngãi)... Chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều nơi. Phong trào “Phá kho thóc Nhật, giải quyết nạn đói” lan rộng trên toàn quốc.

40

MƯỜI CHÍNH SÁCH LỚN

CỦA VIỆT MINH

1. Pháo đài xâm lược – Đua vào Việt-quan, lập nên một nước Việt – Nam Dân chủ Cộng-hoa, hoàn toàn độc lập.
2. Về trang nhàn dãi chúng xâm lược, họ trong quân giải phóng Việt Nam.
3. Tích trữ gia sản của họ giải nước và Việt Nam. Tuy trong hợp để làm cho chúng họ của cho dân nghèo.
4. Bất thối thối, phá diệt họ thế-quốc đất ra.
5. Thực hiện quyền tự do dân chủ và quốc gia thống nhất, cứu dân nước, quốc gia Việt Nam.
6. Chia lại ruộng công, làm cho các người có ruộng, làm cho họ, giảm lại từ, hoặc ra.
7. Tịch thu các ruộng của họ, giảm lại từ, hoặc ra.
8. Tịch thu các ruộng của họ, giảm lại từ, hoặc ra.
9. Tịch thu các ruộng của họ, giảm lại từ, hoặc ra.
10. Tịch thu các ruộng của họ, giảm lại từ, hoặc ra.

8.6 Mười chính sách lớn của Việt Minh, sau này được Đại hội Quốc dân thông qua vào ngày 16 – 8 – 1945 như chính sách đối nội, đối ngoại căn bản của chính quyền sau khi giành độc lập (truyền đơn, Báo tăng Lịch sử quốc gia, Hà Nội)

HỘI ĐỒNG BẢO !

Giặc Nhật lại thu thóc, gửi gạo hàng. Chúng muốn dân ta chết đói hết.

- Bảo nhau giữ lấy thóc ăn, đừng nộp cho giặc.
- Biếu tình đói bán gạo hàng như cũ.
- Kéo nhau lên phủ, huyện, tỉnh đòi phát gạo.
- Đánh chặn xe lương, phá kho thóc gạo của giặc Nhật mà ăn.
- Tiến lên! Tổng cổ giặc Nhật mới hòng sống no đói.

VIỆT MINH

8.7 Truyền đơn của Mặt trận Việt Minh kêu gọi nhân dân kháng Nhật, cứu nước (Báo tăng Lịch sử quốc gia, Hà Nội)

Hình 12. Mục 2 của Bài 8 – phần Lịch sử

Tổ chức thực hiện:

1. Chuẩn bị:

- Lập nhóm.
- Tư liệu 8.6 và 8.7.

2. Giao nhiệm vụ học tập:

GV nêu yêu cầu: “*Đọc tư liệu 8.6, 8.7, hãy lí giải vì sao Mặt trận Việt Minh lại thu hút được sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân.*”

3. Hướng dẫn HS thực hiện:

– Từ các kiến thức đã học, HS xác định những nguyện vọng chính của dân tộc Việt Nam trong thời kì thực dân Pháp đô hộ và mong muốn cấp thiết ở thời điểm cuối năm 1944, đầu năm 1945.

– HS đọc tư liệu 8.6 và 8.7 để xác định các chính sách chính của Mặt trận Việt Minh.

– HS đánh giá các chính sách của Mặt trận Việt Minh đã đáp ứng như thế nào đối với nguyện vọng của dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đó, giải thích vì sao Mặt trận Việt Minh lại thu hút được sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân.

4. Báo cáo kết quả:

- GV tổ chức cho HS khai thác thông tin tư liệu, thảo luận và nêu nhận xét.
- Công cụ đánh giá: bảng kiểm.

– Hoạt động dạy học (của ví dụ này) góp phần thực hiện YCCĐ: “*Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước*”; hình thành các năng lực:

- + Tìm hiểu lịch sử: khai thác tư liệu 8.6 và 8.7 để nhận thức về chính sách của Mặt trận Việt Nam và sự phù hợp của chính sách đó đối với nguyện vọng của nhân dân.
- + Nhận thức và tư duy lịch sử: nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền và sự ra đời của Mặt trận Việt Minh.

3.2. Phần Địa lí

3.2.1. Những yêu cầu cơ bản về PPDH

SGK mới dựa trên nền tảng những kiến thức cơ bản và phương pháp giáo dục đề cao hoạt động chủ động, tích cực, sáng tạo của HS, phát triển ở HS các phẩm chất và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đồng thời giúp HS hình thành, phát triển năng lực địa lí – một biểu hiện của năng lực khoa học; khả năng định hướng nghề nghiệp. Để triển khai được những mục tiêu, đáp ứng được nội dung CTGDPT 2018, SGK mới cũng có sự đổi mới về trình bày kiến thức để HS dựa vào đó trả lời các câu hỏi GV đưa ra, ngoài ra sách cũng được biên soạn theo hướng tạo điều kiện để GV tổ chức các hoạt động học tập giúp HS phát huy tính tự giác, tích cực, độc lập, khả năng tự khám phá, lĩnh hội kiến thức. PPDH của GV phải chuyển từ dạy học thông báo – liệt kê – mô tả đồng loạt truyền thống sang dạy học phát triển tư duy, sáng tạo, năng lực hành động của HS. Bên cạnh đó, PPDH cần đổi mới để đáp ứng các tiêu chí của tiêu chuẩn phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đối với GV theo Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2019 về việc ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông. Do đó, PPDH phần Địa lí 9 cần định hướng một số yêu cầu cơ bản như sau:

a) *Đổi mới theo hướng tích cực hoá hoạt động của HS*: GV đóng vai trò là người hướng dẫn, khuyến khích, tạo môi trường học tập tích cực cho HS; HS tham gia học tập chủ động, tích cực các hoạt động học tập phù hợp với đặc điểm của học phần Địa lí 9, đặc điểm môi trường lớp học, tác động vào tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS, giúp HS học tập chủ động, khắc phục thói quen học tập bị động hiện nay.

b) *Đổi mới trong thiết kế kế hoạch bài học theo hướng phát triển năng lực cho HS*: Kế hoạch bài học cần được điều chỉnh cụ thể hơn so với giáo án truyền thống. Trong đó cần nêu rõ được mục tiêu của bài học: yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng, thái độ của HS,

được biểu đạt bằng những động từ có thể lượng hoá được; có sự chuẩn bị về phương tiện và PPDH và trình bày rõ cách thức triển khai các hoạt động dạy học cụ thể, chú trọng hoạt động đánh giá của GV và tự đánh giá của HS.

c) *Đổi mới các hình thức, phương pháp tổ chức dạy học trên lớp*: Đổi mới phương pháp dạy của GV, cải tiến các PPDH truyền thống, tăng cường các PPDH tích cực hiện nay, phối hợp linh hoạt, hiệu quả giữa PPDH truyền thống và PPDH tích cực.

Tổ chức và hướng dẫn HS hoạt động và sử dụng các phương tiện dạy học địa lí như tranh ảnh, bản đồ, bảng số liệu; tổ chức, hướng dẫn HS thu thập, xử lý thông tin trong SGK và trình bày lại vấn đề; tổ chức hoạt động của HS theo nhiều hình thức học tập khác nhau như nhóm, lớp, cá nhân, hoạt động thực hành, trải nghiệm, học trong lớp và trên thực địa,... hướng đến HS khám phá những điều được học và vận dụng được vào thực tế.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, bản đồ số, các ứng dụng mới, các website của chính phủ, các viện nghiên cứu để HS tiếp cận dễ dàng và cập nhật thường xuyên với nguồn tri thức địa lí vô tận.

d) *Tăng cường các hoạt động trải nghiệm cho HS*: Nội dung phần Địa lí gắn với thực tiễn địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam; vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề về tự nhiên, môi trường tại địa phương, từ đó phát triển nhận thức, kĩ năng, hình thành phẩm chất, năng lực đặc thù và năng lực chung.

e) *Lưu ý tới đặc trưng về nội dung và phương pháp của môn học Địa lí*: Ví dụ phương pháp trực quan: cần sử dụng các phương tiện trực quan theo một quy trình hợp lí để có thể khai thác tối đa kiến thức từ các phương tiện trực quan, chuẩn bị hệ thống câu hỏi để dẫn dắt HS quan sát và tự khai thác kiến thức, GV tạo điều kiện cho HS sử dụng các công cụ của Địa lí học như: Atlas Địa lí, bản đồ, biểu đồ, lược đồ, sơ đồ, lát cắt, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh,...; phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề: cần tạo ra các tình huống có vấn đề phù hợp với trình độ nhận thức của HS; phương pháp hợp tác theo nhóm nhỏ: không phải bài học nào cũng thích hợp cho tổ chức HS làm việc theo nhóm, cần lưu ý trách nhiệm của mỗi cá nhân trong nhóm; phương pháp thuyết trình: trước và trong khi thuyết trình, cần nêu lên vấn đề, tình huống hoặc câu hỏi có liên quan đến nội dung thuyết trình để kích thích tư duy, định hướng hoạt động cho HS; phương pháp đàm thoại cần tăng cường sử dụng đàm thoại gợi mở và nâng cao chất lượng của các câu hỏi.

3.2.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

3.2.2.1. PPDH trực quan

Khái niệm: PPDH trực quan là hệ thống các phương pháp cụ thể mà GV dùng khi sử dụng phương tiện trực quan nhằm xây dựng cho HS những biểu tượng về sự vật, hiện tượng, hình thành khái niệm thông qua sự tri giác trực tiếp bằng các giác quan

của người học. Có thể chia làm hai loại: minh hoạ (sử dụng các đồ vật, tranh ảnh, bảng sơ đồ, âm thanh) và trình chiếu (dùng các thiết bị, máy móc để chiếu các phim ảnh, video, tranh vẽ, hình ảnh).

Vai trò của phương pháp: GV sử dụng PPDH trực quan kết hợp với các câu hỏi, tình huống vấn đề hoặc đàm thoại gợi mở sẽ giúp phát huy tích cực nhận thức của HS, kết hợp các hình ảnh, phương tiện minh hoạ trực tiếp cho HS, giúp HS tổng hợp các giác quan, vì nếu chỉ nghe thì lĩnh hội được 20% thông tin, nếu chỉ nhìn thì lĩnh hội 30%, nếu phối hợp cả nghe, nhìn và hành động thì tiếp thu được 70%. Như vậy có thể thấy, trực quan trong giảng dạy sẽ huy động được tối đa các giác quan của HS tham gia vào quá trình nhận thức.

Đối với dạy học phần Địa lí 9, nhiều phương tiện trực quan đặc biệt như bản đồ thể hiện tính đa chức năng, có thể sử dụng cho nhiều bài và chủ đề. GV sử dụng các phương tiện trực quan này để tổ chức hoạt động học tập nhằm hình thành các biểu tượng cụ thể về sự vật, hiện tượng địa lí, hình thành các khái niệm địa lí thông qua sự tri giác trực tiếp bằng các giác quan của HS. Nhờ vậy, HS có thể hình thành, nhận diện các khái niệm, giải thích các sự vật, hiện tượng địa lí, các mối quan hệ nhân quả địa lí một cách chính xác và đầy đủ. Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng trong quá trình dạy học giúp hình thành mục tiêu dạy học. Phương tiện trực quan trong học phần Địa lí 9 gồm nhiều loại như: bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, lát cắt, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh,... Các phương tiện trực quan cần phải có màu sắc, tính thẩm mỹ, nêu bật được sự khác biệt, đủ lớn và đủ số lượng, hình ảnh chất lượng, có độ phân giải cao để HS quan sát rõ.

Các lưu ý khi sử dụng phương pháp: việc áp dụng phương tiện trực quan cần chú ý một phương tiện nhận thức, nếu lạm dụng sẽ dễ làm HS phân tán chú ý, thiếu tập trung chú ý vào bài học. Chẳng hạn như khi yêu cầu HS quan sát liên tục các bản đồ, hình ảnh và không có những câu hỏi định hướng cụ thể, hệ thống các câu hỏi nhỏ, thiếu tính khái quát sẽ gây quá tải và giảm khả năng tư duy của HS; hoặc nếu GV lạm dụng đưa quá nhiều phương tiện trực quan sẽ làm kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến hiệu quả của tiết học.

– Ví dụ minh hoạ:

+ **Bài 2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư**

Ở bài học này, GV sẽ khai thác hai phương tiện trực quan là:

- Hình 2. Bản đồ dân số Việt Nam, năm 2021.
- Bảng 2.1. Tỷ lệ dân thành thị và nông thôn ở nước ta, giai đoạn 1990 – 2021

GV đặt câu hỏi theo hướng dẫn của SGK: “1. Dựa vào hình 2, bảng 2.1 và thông tin trong bài, hãy trình bày đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta”. GV cũng có thể sử dụng các câu hỏi bổ trợ như “2. Phân bố dân cư ở nước ta khác nhau như thế nào giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn?” hoặc các câu hỏi mở rộng

“3. Vì sao dân cư phân bố không đều ở nước ta?” để HS liên hệ, khai thác hiệu quả các phương tiện trực quan trong bài.

Có nhiều hình thức tổ chức dạy học cho nội dung này: HS có thể làm theo nhóm nhỏ hoặc cá nhân các câu hỏi này. GV có thể cho HS thảo luận nhóm 4 – 6 HS (câu hỏi 1, 2), thảo luận nhóm đôi cả lớp (câu hỏi 3). GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng thảo luận của HS qua phiếu thảo luận nhóm hoặc kết hợp trò chơi.

+ Bài 13. Bắc Trung Bộ

Với nội dung mục 2) *Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên*, GV sẽ kết hợp khai thác hai phương tiện trực quan khác nhau gồm bản đồ và lát cắt địa hình: hình 13.1. Bản đồ tự nhiên Bắc Trung Bộ và hình 13.2. Lát cắt địa hình Bắc Trung Bộ. GV giúp HS khai thác hiệu quả lát cắt địa hình thông qua các câu hỏi gợi mở như sau: “Dựa vào hình 13.2, em hãy:

- Xác định hướng lát cắt địa hình.
- Cho biết độ cao của lát cắt địa hình thay đổi như thế nào.
- Kể tên các khu vực địa hình núi trên lát cắt.”

GV cũng có thể đặt một số câu hỏi mở rộng để HS vận dụng kiến thức của mình giải quyết vấn đề như: “*Sự phân hoá địa hình Bắc Trung Bộ có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển kinh tế – xã hội?*” HS có thể thảo luận nhóm đôi hoặc các nhóm nhỏ để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Qua hai ví dụ trên cho thấy PPDH trực quan, sử dụng hệ thống kênh hình, bản đồ, lát cắt trong bài kết hợp với các câu hỏi định hướng, mở rộng sẽ giúp GV hướng dẫn HS khai thác tri thức hiệu quả, HS có thể tự quan sát, tư duy để rút ra các thông tin cần thiết. Các hình thức tổ chức có thể đa dạng từ hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm tạo không khí thi đua, hứng thú với HS. GV có thể kết hợp đồng thời một số hình ảnh bổ sung thêm cho tiết học phong phú.

3.2.2.2. PPDH giải quyết vấn đề

Khái niệm: PPDH giải quyết vấn đề là phương pháp trong đó GV tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển HS phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Đặc trưng cơ bản của phương pháp này là “tình huống có vấn đề” vì tư duy chỉ xuất hiện khi gặp tình huống có vấn đề.

Vai trò của phương pháp: Đối với học phần Địa lí 9, có nhiều nội dung bài học có thể áp dụng PPDH giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, dạy học giải quyết vấn đề giúp HS liên hệ được những kiến thức đã học và những kiến thức mới, phát triển năng lực sáng tạo và tư duy khoa học.

Các lưu ý khi sử dụng phương pháp: Trong quá trình thực hiện phương pháp này, cần lưu ý một số điểm sau: năng lực giải quyết vấn đề phát triển ở HS gồm 4 thành tố,

các mức độ của giải quyết vấn đề cũng khác nhau tùy theo yêu cầu của bài học, đặc điểm của HS và thực trạng của lớp học, cụ thể các bước là: Tìm hiểu và phát hiện vấn đề → Xác định – sắp xếp các thông tin liên quan đến vấn đề → Lập kế hoạch và thực hiện → Đánh giá giải pháp.

Lựa chọn các vấn đề: các vấn đề GV đưa cho HS xử lý cần phù hợp với chủ đề bài học, phù hợp với trình độ nhận thức và gắn gũi với đời sống của HS, vấn đề có thể diễn tả bằng nhiều hình thức khác nhau bằng kênh chữ và kênh hình, vấn đề phải chứa đựng nhiều mâu thuẫn cần phải giải quyết,... thường vấn đề bắt đầu với các câu hỏi “giải thích”, “tại sao”, “chứng minh”,...

Cách thức tổ chức HS giải quyết vấn đề: Các nhóm HS có thể giải quyết cùng một vấn đề hoặc những vấn đề khác nhau tùy theo mục đích của hoạt động, số lượng nhóm và tình hình học tập cụ thể. HS cần xác định rõ vấn đề trước khi giải quyết vấn đề để tránh lạc hướng, do đó vai trò của GV rất quan trọng, là người đặt vấn đề và định hướng, điều chỉnh cho HS giải quyết đúng vấn đề thông qua các hệ thống câu hỏi định hướng, gợi mở cho HS hoặc gợi ý, điều chỉnh phần thảo luận của HS đúng hướng cần giải quyết. Cách giải quyết của HS có thể giống và khác nhau, vì vậy GV cần có bước so sánh các cách giải quyết và lựa chọn được cách giải quyết tối ưu nhất. GV cũng là người rút kinh nghiệm cho HS trong giải quyết vấn đề, tình huống.

– Ví dụ minh họa:

Bài 6. Công nghiệp, GV xác định mục tiêu “*Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh*” để áp dụng PPDH giải quyết vấn đề.

Bước 1. Xác định, nhận dạng vấn đề hoặc tình huống. GV dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề như sử dụng đoạn thông tin về ô nhiễm môi trường do các chất thải của nhà máy xí nghiệp ở nước ta và một số hình ảnh về liên quan. Đặt vấn đề với HS thông qua một số câu hỏi như SGK: “1) *Hãy giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh ở nước ta hiện nay*”; GV cũng có thể gợi ý thêm cho HS như “2) *Ở nước ta có những vấn đề nào đang tồn tại trong quá trình phát triển công nghiệp?*”, “3) *Tìm một số biện pháp cụ thể để phát triển công nghiệp xanh ở nước ta*”.

Bước 2. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề. GV chia lớp thành các nhóm lớn: Số lượng các nhóm tùy thuộc vào số lượng HS trong lớp, trung bình mỗi nhóm có khoảng 6 – 7 HS. Yêu cầu HS thảo luận để giải quyết vấn đề GV vừa đặt ra. Phân chia cụ thể nhiệm vụ và nêu yêu cầu cho từng nhóm. Quy định thời gian cho mỗi nhóm. GV có thể sử dụng kết hợp kĩ thuật “khăn trải bàn” để giảng dạy.

Bước 3. Giải quyết vấn đề. Các nhóm HS thu thập thông tin, thảo luận và mỗi cá nhân ghi những ý kiến của mình vào một góc của tờ A0, sau đó cả nhóm thảo luận và ghi các ý kiến thống nhất vào giữa tờ giấy.

Bước 4. Kiểm tra, đánh giá. GV gọi ngẫu nhiên một số nhóm lên trình bày những ý kiến về tình huống của mình. GV nhận xét và đánh giá phần trình bày của các nhóm.

Ví dụ trên đã đặt ra cho HS các vấn đề nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái HS đã biết (*vấn đề về ô nhiễm môi trường, lãng phí tài nguyên, nhiên liệu trong quá trình phát triển công nghiệp*) và cái chưa biết (*vì sao cần phải phát triển công nghiệp xanh và cần phải thực hiện các biện pháp nào để phát triển công nghiệp xanh*). HS được vào tình huống có vấn đề, kích thích HS tự lực, chủ động và có nhu cầu, mong muốn được giải quyết vấn đề. Phương án giải quyết vấn đề của HS mặc dù có thể khác nhau nhưng phương pháp này đã hình thành năng lực giải quyết vấn đề của HS. Trong phần Địa lí 9, có nhiều nội dung bài học có thể sử dụng phương pháp này như Bài 4. Vấn đề: *Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh*, Bài 8. Vấn đề: *Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch*, Bài 11. Vấn đề: *Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng*,...

3.2.2.3. PPDH hợp tác

Khái niệm: PPDH hợp tác hay còn gọi là phương pháp thảo luận nhóm, PPDH hợp tác trong nhóm nhỏ. HS được phân chia thành từng nhóm nhỏ riêng biệt, chịu trách nhiệm về một mục tiêu duy nhất, được thực hiện thông qua nhiệm vụ riêng biệt của từng người. Các hoạt động cá nhân riêng biệt sẽ được tổ chức lại, liên kết hữu cơ với nhau nhằm thực hiện một mục tiêu chung.

Vai trò của phương pháp: Phương pháp này giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, tự học, tự chủ cho HS. Dạy học hợp tác có các đặc điểm cơ bản sau: có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm một cách tích cực, có sự tương tác trực tiếp đến thành công của nhau, tăng cường tinh thần trách nhiệm của cá nhân, tập thể, có kỹ năng giao tiếp trong nhóm, có sự rút kinh nghiệm trong nhóm.

Các lưu ý khi sử dụng phương pháp: Trong quá trình thực hiện dạy học hợp tác học phần Địa lí, cần lưu ý một số điểm sau:

- Xác định quy trình các bước tiến hành dạy học hợp tác: bước 1: xác định mục tiêu về kiến thức, năng lực, phẩm chất cần đạt; bước 2: chọn nội dung dạy học hợp tác; bước 3: thiết kế một tình huống cụ thể; bước 4: tổ chức thảo luận; bước 5: tổng kết và đánh giá.

- Xác định nội dung cần tổ chức dạy học hợp tác: nhiệm vụ học tập phải đủ độ khó để HS suy nghĩ, tập trung thảo luận, những nội dung quá dễ thường gây tâm lí nhàm chán, chủ quan và không thu hút HS, bên cạnh đó nhiệm vụ cũng phải đảm bảo đáp ứng mục tiêu của bài học và không quá sức đối với trình độ và năng lực của HS.

- Xác định kỹ thuật cho PPDH hợp tác: có nhiều kỹ thuật dạy học hỗ trợ cho dạy học hợp tác hiện nay như “khăn trải bàn”, “công đoạn”, “các mảnh ghép”, “phòng tranh”, “bể cá”,... GV cần dựa vào nội dung của bài học để lựa chọn kỹ thuật phù hợp.

- Xây dựng được các câu hỏi định hướng và phân công nhiệm vụ cho HS thảo luận, trong khi giao nhiệm vụ GV cần giải thích, hướng dẫn rõ ràng cho HS thông qua

bộ câu hỏi định hướng, nhiệm vụ được giao phải phù hợp và phân công cụ thể để phát huy mọi sự tham gia của HS.

– Thành lập nhóm hợp tác: Có nhiều cách thành lập nhóm khác nhau, không nên áp dụng một cách duy nhất cho một năm học, có thể theo số điểm danh, biểu tượng, màu sắc, giới tính, vị trí ngồi của HS hoặc bốc thăm ngẫu nhiên, theo cùng lựa chọn,... quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ tùy nhiệm vụ, nhưng nhóm phù hợp thường từ 4 – 6 HS. Đối với lớp đông hoặc không gian nhỏ, cần chú ý hoạt động nhóm gây ồn ào, khi thảo luận ảnh hưởng tới lớp khác.

– Quy định thời gian thảo luận: Thời gian thảo luận giữa các nhóm có thể kéo dài, vì vậy GV cần quy định thời gian để không lãng phí thời gian và yêu cầu HS tập trung cao độ cho nội dung thảo luận của mình.

– Xây dựng thang đánh giá cụ thể, rõ ràng: GV cần quy định cụ thể cách đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm, đồng thời ghi nhận được vai trò đóng góp của mỗi cá nhân trong nhóm. Các hình thức đánh giá có thể đa dạng dựa vào bảng phân công nhiệm vụ, bảng hỏi, sản phẩm thảo luận, bài trình bày của HS,...

– Ví dụ minh họa:

+ Bài 5. Thực hành. Viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả

GV xác định nhiệm vụ học tập của HS là *“Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả”*, nội dung này phù hợp với hoạt động dạy học hợp tác, các nhóm HS thảo luận để giải quyết mục tiêu của bài học. Các hình thức dạy học hợp tác có thể đa dạng và linh hoạt tùy theo yêu cầu của bài học, cụ thể như sau:

Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (khoảng 4 HS/nhóm), giao nhiệm vụ cho 2 nhóm phụ trách tìm hiểu một mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả.

+ Nhóm 1, 2: Mô hình nông nghiệp xanh

+ Nhóm 3, 4: Mô hình nông nghiệp thông minh

+ Nhóm 5, 6: Mô hình nông nghiệp hữu cơ

+ Nhóm 7, 8: Mô hình nông nghiệp sinh thái

+ Nhóm 9, 10: Mô hình nông nghiệp tuần hoàn

Bước 2: HS các nhóm thảo luận, lập đề cương báo cáo (các nội dung, các đề mục cần thể hiện trong báo cáo). Phân công viết báo cáo theo nội dung.

Bước 3: HS xử lý thông tin:

+ Chọn lọc tư liệu từ các nguồn thu thập được

+ Xử lý số liệu, hình ảnh, thông tin,...

+ Sắp xếp các thông tin, tư liệu theo đề cương đã xây dựng

Bước 4: Đại diện một số nhóm lên trình bày báo cáo với cả lớp, các nhóm khác nhận xét. GV chốt kiến thức, nhận xét cho các nhóm.

+ Chủ đề 2. Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long

Với mục 2a. Biểu hiện của biến đổi khí hậu

GV xác định nhiệm vụ học tập của HS là *“Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long”*, nội dung này phù hợp với hoạt động dạy học hợp tác, GV xác định sử dụng kĩ thuật “công đoạn” với các bước tiến hành như sau:

Bước 1. GV chia lớp thành 8 nhóm HS. GV giao nhiệm vụ cho các nhóm cùng thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ sau:

+ Nhóm 1, 2, 3, 4: *Nhiệm vụ 1. Cho biết dưới sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nhiệt độ và lượng mưa thay đổi như thế nào ở vùng châu thổ sông Hồng. Trình bày các biểu hiện của hiện tượng thời tiết cực đoan ở vùng châu thổ này.*

+ Nhóm 5, 6, 7, 8: *Nhiệm vụ 2. Cho biết dưới sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nhiệt độ và lượng mưa thay đổi như thế nào ở vùng châu thổ sông Cửu Long. Trình bày các biểu hiện của hiện tượng thời tiết cực đoan ở vùng châu thổ này.*

Bước 2. Các nhóm HS trao đổi, thảo luận và ghi kết quả vào tờ giấy A0. Sau đó, tiếp tục luân chuyển kết quả cho nhóm tiếp theo và nhận tiếp kết quả từ nhóm khác để góp ý. Các nhóm nhận lại tờ giấy A0 của nhóm mình có ý kiến góp ý của các nhóm khác. Từng nhóm xem và hoàn thiện sản phẩm.

Bước 3. Đại diện các nhóm HS chia sẻ nội dung đã thực hiện với cả lớp.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung, chốt các nội dung.

Như vậy, thông qua các ví dụ minh họa về vận dụng PPDH hợp tác, GV đã thực hiện các cách thức tiến hành dạy học hợp tác kết hợp với kĩ thuật dạy học “các mảnh ghép”, qua đó HS sẽ hình thành được năng lực tìm hiểu Địa lí, năng lực nhận thức và tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác nhóm và tự chủ, tự lĩnh hội kiến thức.

3.2.2.4. PPDH dự án

Khái niệm: Dạy học dự án là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS thực hiện các nhiệm vụ phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày. Dạy học dự án có ba đặc điểm quan trọng là định hướng thực tiễn, định hướng người học và định hướng sản phẩm.

Trong quá trình thực hiện dạy học dự án học phần Địa lí, cần lưu ý một số điểm sau:

- Dạy học dự án thường tốn nhiều thời gian, vì thế GV cần cân nhắc số lượng dự án thực hiện trong 1 năm học, thông thường chỉ nên tổ chức 1 – 2 dự án/năm học.
- Để tăng tính hiệu quả của dự án, GV cần xây dựng bộ câu hỏi định hướng giúp

HS xác định được mục tiêu của sản phẩm dự án của mình, đồng thời dựa trên nội dung định hướng đó để phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể giữa các thành viên trong nhóm.

– Cần kết hợp linh hoạt hoạt động này với thời gian học tập trên lớp và thời gian hoạt động ngoài lớp, ứng dụng công nghệ thông tin giúp tăng tính khả thi cho thực hiện dự án.

– Các sản phẩm của hoạt động dự án đòi hỏi nhiều về đầu tư vật chất, tuy nhiên GV có thể linh động lựa chọn hình thức sản phẩm của HS tùy vào điều kiện cụ thể của trường học, gắn với thực tế địa phương.

– Ví dụ minh họa

Phần Địa lí lớp 9 có thể thực hiện được nhiều dự án do có nhiều nội dung khá tương đồng nhau, ví dụ có thể kết hợp các **Bài 22. Thực hành. Phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long**, **Chủ đề 2. Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long** để thực hiện dự án *“Phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long”*.

Ngoài ra, có thể kết hợp các nội dung của **Bài 12. Thực hành: Sưu tầm tư liệu và trình bày về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ**, **Bài 20. Thực hành: Viết báo cáo về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam** để thực hiện dự án về *“Tìm hiểu thông tin và viết báo cáo về các vùng kinh tế trọng điểm, vùng động lực”*.

Tương tự, có thể kết hợp **Bài 23. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo** với **Chủ đề 3. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông** để thực hiện dự án liên quan tới chủ quyền và phát triển tổng hợp kinh tế, bảo vệ tài nguyên môi trường của Việt Nam ở Biển Đông.

Dự án tiếp theo có thể kết hợp giữa **Bài 14. Thực hành: Tìm hiểu vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ** với **Bài 16. Thực hành: Phân tích ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận**. Đây là những vấn đề khó khăn về tự nhiên của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ, có liên quan mật thiết tới biến đổi khí hậu nên có thể kết hợp để hình thành dự án để HS cùng tìm hiểu.

Các dự án có thể được thực hiện gắn với các hoạt động trải nghiệm tại địa phương, HS có thể thể hiện sản phẩm của dự án qua nhiều hình thức như bài báo cáo, bài thuyết trình trên phần mềm Powerpoint, tờ rơi, tập truyện tranh, sơ đồ, các hình ảnh, video clip,...

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

4.1. Hướng dẫn chung

Trong chương trình 2018 đã quy định: đánh giá kết quả giáo dục trong Chương trình môn Lịch sử và Địa lí phải bảo đảm các yêu cầu sau:

– Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng YCCĐ của Chương trình môn Lịch sử và Địa lí và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS.

– Căn cứ đánh giá là YCCĐ về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù lịch sử và địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn Lịch sử và Địa lí.

– Bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, Atlat, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử hay địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực

4.2.1. Đánh giá phần Lịch sử

Ví dụ 1:

– Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991.

– Phương pháp đánh giá: đánh giá qua sản phẩm học tập.

– Công cụ đánh giá: bảng tiêu chí Rubrics.

Tiêu chí	Cần cải thiện (0 – 4,9)	Khá (5,0 – 7,9)	Tốt (7,9 – 10)
Đầy đủ và chính xác về nội dung thông tin	Không đủ các thông tin, các thông tin chưa được trình bày súc tích.	Đủ các thông tin: (1) Chính trị; (2) Kinh tế; (3) Xã hội; (4) Văn hoá nhưng chưa được trình bày súc tích.	Đủ các thông tin, được trình bày súc tích, đủ ý chính.
Tính đa dạng, phong phú của hình ảnh minh hoạ	Sưu tầm được nhưng một số hình ảnh có chất lượng không tốt hoặc không đúng.	Chọn lọc và sưu tầm được hình ảnh tiêu biểu đối với từng lĩnh vực: (1) Chính trị; (2) Kinh tế; (3) Xã hội; (4) Văn hoá.	Hình ảnh sưu tầm có chất lượng cao; thể hiện được thành tựu điển hình; hình ảnh có giá trị biểu đạt cao, chứa đựng nhiều thông tin lịch sử.

Tiêu chí	Cần cải thiện (0 – 4,9)	Khá (5,0 – 7,9)	Tốt (7,9 – 10)
Tính thẩm mỹ	Chưa thể hiện sự đa dạng của màu sắc (thể hiện ở các nhánh của sơ đồ tư duy), chưa thiết kế được bố cục.	Sơ đồ tư duy khá đẹp, bố cục và màu sắc cân đối.	Bố cục cân đối, màu sắc nổi bật; các hình ảnh minh họa được sắp xếp đúng vị trí, góp phần làm tăng giá trị biểu đạt của sơ đồ tư duy.
Khả năng làm việc nhóm	Không có bảng phân công; các thành viên không tham gia hoạt động nhóm hiệu quả.	Có bảng phân công; phân đồng thành viên nhóm tham gia hoạt động.	Bảng phân công cụ thể, có thể được dùng để đánh giá mức độ tham gia làm việc nhóm; các thành viên tham gia nhiệt tình, hiệu quả, phối hợp tốt.
Thuyết minh	Chỉ đọc lại những nội dung đã thể hiện trên sơ đồ tư duy.	Trình bày khá hấp dẫn các thông tin của sơ đồ tư duy.	Trình bày hấp dẫn, có tương tác với lớp; các thành viên hỗ trợ nhau trong quá trình thuyết minh.

Ví dụ 2:

- Sử dụng thông tin từ SGK và lược đồ 18.16 để hoàn thành phiếu học tập.
- Phương pháp đánh giá: kiểm tra viết.
- Công cụ đánh giá: bài tập.

Diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975			
Thời gian	Hướng tiến công chính của quân Giải phóng	Hướng rút chạy của quân đội Sài Gòn	Khu vực được giải phóng
Từ ngày 4 – 3 đến ngày 19 – 3 – 1975	Quảng Trị, khu vực Tây Nguyên (Kon Tum, Pleiku, Buôn Ma Thuộc).	Từ Quảng Trị, rút về Đà Nẵng, sau đó rút ra biển.	Buôn Ma Thuột (11 – 3), Kon Tum (16 – 3), Pleiku (17 – 3), Phước An (17 – 3), Cheo Reo (18 – 3), Quảng Trị (19 – 3).

Diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975			
Thời gian	Hướng tiến công chính của quân Giải phóng	Hướng rút chạy của quân đội Sài Gòn	Khu vực được giải phóng
Từ ngày 20 – 3 đến 31 – 3 – 1975	Một phần vùng Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.	Không có thông tin trên lược đồ.	An Lộc (20 – 3), An Khê (23 – 3), Gia Nghĩa (23 – 3), Tam Kỳ (24 – 3), Quảng Ngãi (24 – 3), Củng Sơn (24 – 3), Huế (26 – 3), Hội An (28 – 3), Bảo Lộc (28 – 3), Đà Nẵng (29 – 3), An Lộc (30 – 3), Tây Ninh (30 – 3), Quy Nhơn (31 – 3).
Từ ngày 1 – 4 đến ngày 2 – 5 – 1975	Một phần ven biển miền Trung, Sài Gòn, các tỉnh ở Nam Bộ và một số đảo.	Rút ra biển.	Tuy Hoà (1 – 4), Nha Trang (2 – 4), Cam Ranh (3 – 4), Phan Rang (16 – 4), Phan Thiết (19 – 4), Xuân Lộc (21 – 4), Bà Rịa (28 – 4), Vũng Tàu (30 – 4), Sài Gòn (30 – 4), Côn Đảo (30 – 4), Cà Mau (1 – 5), Châu Đốc (2 – 5), đảo Phú Quốc (2 – 5),...

Ví dụ 3:

– Đọc tư liệu 8.6, 8.7, hãy lí giải vì sao Mặt trận Việt Minh lại thu hút được sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân.

– Phương pháp đánh giá: đánh giá qua sản phẩm học tập.

– Công cụ đánh giá: bảng kiểm.

Trong phần lí giải, HS cần thể hiện được các yêu cầu sau:

STT	Tiêu chí	Có/ Không
1	HS xác định được các nguyện vọng chính của dân tộc Việt Nam dưới ách đô hộ của thực dân Pháp.	?
2	HS xác định được mong muốn cấp thiết của người dân vào thời điểm cuối năm 1944, đầu năm 1945.	?
3	HS xác định được các chính sách, chủ trương chính của Mặt trận Việt Minh thể hiện trong tư liệu 8.6.	?
4	HS xác định được các chính sách, chủ trương chính của Mặt trận Việt Minh thể hiện trong tư liệu 8.7.	?

STT	Tiêu chí	Có/ Không
5	HS chỉ ra được mối liên hệ giữa chính sách của Mặt trận Việt Minh trong việc đáp ứng các nguyện vọng của dân tộc Việt Nam.	?

4.2.2. Đánh giá phân Địa lí

Ví dụ 1:

Bài 15 mục 5 ở trang 191 trong SGK có nhiệm vụ học tập như sau: *Dựa vào hình 15.4 và thông tin trong bài, hãy:*

- Xác định phạm vi của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- Trình bày về thế mạnh nổi bật và vai trò của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

GV có thể tổ chức và đánh giá hoạt động học tập của HS như sau: Sử dụng kĩ thuật “viết tích cực”, phân công HS làm việc theo nhóm (tối đa 6 HS/nhóm) trả lời 3 câu hỏi định hướng của GV về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Khi đó, GV sẽ dùng công cụ bảng kiểm để đánh giá câu trả lời của nhóm HS, bảng kiểm có thể thiết kế như sau:

Nội dung	Đạt	Không
Xác định diện tích, số dân của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung so với cả nước.		
Xác định các tỉnh và thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.		
Xác định được trên hình 15.1 các tỉnh và thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.		
Thế mạnh nổi bật của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (vị trí chiến lược, cửa ngõ, nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, dải đô thị) (nêu được tối thiểu 5 ý).		
Trình bày được vai trò của vùng (thu hút vốn, phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đảo, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, khai thác hợp lí tài nguyên, nâng cao chất lượng cuộc sống, cầu nối giao lưu, trung chuyển hàng hoá) (nêu được tối thiểu 5 ý).		

Ví dụ 2:

Bài 4 mục 1 ở trang 137 trong SGK có nhiệm vụ học tập như sau: *Dựa vào thông tin trong bài, hãy phân tích một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.*

GV có thể tổ chức và đánh giá hoạt động học tập của HS như sau:

– GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm cùng thảo luận 1 nội dung về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

- + Nhóm 1, 2: Các nhân tố tự nhiên
- + Nhóm 3, 4: Các nhân tố kinh tế – xã hội
- GV gọi đại diện các nhóm HS trình bày sản phẩm của nhóm mình. Những nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá.

Đánh giá: GV đánh giá sản phẩm học tập của HS dựa theo Rubrics:

Mức độ Tiêu chí	MỨC 1 (30 – 50)	MỨC 2 (51 – 90)	MỨC 3 (91 – 100)
Nội dung các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp (40%)	Thiếu hoặc sai từ 3 – 4 ý trở lên.	Tương đối đầy đủ, còn thiếu 1 – 2 ý.	Đầy đủ, chính xác các ý.
Hình thức trình bày (30%)	Trình bày thiếu hấp dẫn, chủ yếu chỉ toàn chữ, thiếu các hình ảnh minh họa, kí hiệu.	Có bổ sung các hình vẽ, kí hiệu, trang trí trạm thông tin nhưng chỉ ở mức đơn giản.	Có bổ sung các hình vẽ, kí hiệu, trang trí cho trạm thông tin của mình sinh động và hấp dẫn.
Khả năng làm việc nhóm (20%)	Không có bảng phân công, nhiều thành viên không làm.	Có bảng phân công, vẫn còn thành viên không làm.	Có bảng phân công, tất cả thành viên đều làm.
Thời gian (10%)	Quá thời gian quy định 3 – 5 phút.	Vừa đúng thời gian.	Sớm hơn thời gian quy định.

5. GIỚI THIỆU HỌC LIỆU BỔ TRỢ, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC

Bao gồm thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: thiết bị dạy học chung và một số thiết bị dạy học cơ bản theo các chủ đề.

5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng SGK

5.1.1. Phần Lịch sử

Thiết bị dạy học cơ bản theo các chủ đề như:

CHƯƠNG 1. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

- Lược đồ Liên Xô năm 1922
- Lược đồ quá trình Nhật Bản xâm chiếm lãnh thổ Trung Quốc, giai đoạn 1931 – 1938

- Lược đồ mặt trận phía đông: Đức tấn công Liên Xô (1941 – 1942)
- Lược đồ trận phản công ở Xta-lin-grát của Hồng quân Liên Xô

CHƯƠNG 2. VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

- Lược đồ phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh (1930 – 1931)
- Lược đồ Khu giải phóng Việt Bắc

CHƯƠNG 3. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

- Lược đồ Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG), năm 1991
- Lược đồ các nước dân chủ nhân dân Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai
- Lược đồ các nước thuộc Liên minh châu Âu năm 1993
- Lược đồ các nước Mỹ La-tinh

CHƯƠNG 4. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

- Lược đồ chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947
- Lược đồ chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950
- Lược đồ hình thái chiến trường trên các mặt trận Đông – Xuân 1953 – 1954
- Lược đồ diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954
- Lược đồ trận Vạn Tường (8 – 1965)
- Lược đồ đường bay chính của máy bay B52 xâm lược miền Bắc trong 12 ngày đêm ở Hà Nội
- Lược đồ diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975
- Lược đồ những cuộc tấn công của quân Trung Quốc vào biên giới phía Bắc Việt Nam (tháng 2 – 1979)

5.1.2. Phần Địa lí

Thiết bị dạy học cơ bản theo các chủ đề như:

Bản đồ hành chính Việt Nam, năm 2021

CHƯƠNG 1. ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM

Bản đồ dân số Việt Nam, năm 2021

CHƯƠNG 2. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM

- Bản đồ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
- Bản đồ công nghiệp Việt Nam, năm 2021
- Bản đồ mạng lưới giao thông Việt Nam, năm 2021

CHƯƠNG 3. SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ

- Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ
- Bản đồ kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, năm 2021
- Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng

- Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng, năm 2021
- Bản đồ tự nhiên Bắc Trung Bộ
- Lát cắt địa hình Bắc Trung Bộ
- Bản đồ kinh tế Bắc Trung Bộ, năm 2021
- Bản đồ tự nhiên Duyên hải Nam Trung Bộ
- Bản đồ kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2021
- Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên
- Bản đồ kinh tế vùng Tây Nguyên, năm 2021
- Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam Bộ
- Bản đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ, năm 2021
- Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long
- Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long, năm 2021
- Sơ đồ mặt cắt khái quát vùng biển Việt Nam (theo *Luật Biển Việt Nam* năm 2021)
- Bản đồ các huyện đảo và thành phố đảo ở Việt Nam, năm 2021
- Bản đồ một số ngành kinh tế biển, đảo ở Việt Nam, năm 2021

5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng SGK

SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) gồm có hai phần: Phần Lịch sử và Phần Địa lí. Cấu trúc chung gồm:

Phần một: Hướng dẫn chung

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Phần một: bao gồm các nội dung như mục tiêu môn học được thể hiện bằng các mô tả chi tiết, giới thiệu tổng quan về SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) (về quan điểm biên soạn sách, những điểm mới, nội dung giáo dục); cấu trúc sách và cấu trúc bài học; một số gợi ý về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Lịch sử – Địa lí 9. Vì vậy, các kế hoạch dạy học ở các bài Lịch sử và Địa lí sẽ được triển khai theo cách thức tương đồng nhau, đáp ứng được yêu cầu chung.

Phần hai: hướng dẫn cách thức tổ chức các bài học theo từng chủ đề trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*), cấu trúc bài học ở phần một được thiết kế cụ thể hoá trong từng bài học. Mỗi bài có các nội dung hoạt động như: hoạt động khởi động, hoạt động khám phá kiến thức, hoạt động luyện tập và hoạt động vận dụng. Các hoạt động dạy học được thể hiện cụ thể bằng các bảng nhúng với SGK để thuận tiện cho GV theo dõi. Ngoài ra, các tác giả còn hướng dẫn chi tiết và cụ thể về thời gian, sản phẩm, các phương pháp thực hiện, các bước tiến hành cho từng hoạt động dạy học, gợi ý các câu hỏi định hướng, chuẩn bị các phiếu học tập, các bảng hỏi hoặc bổ trợ các thông tin khó và cần thiết cho GV tham khảo.

Các hoạt động được thể hiện cụ thể với mỗi hoạt động có ít nhất một phương án tổ chức. Bên cạnh đó, để đa dạng hoá các hình thức dạy học, một số nội dung được thiết kế với nhiều phương án để GV lựa chọn.

Các hướng dẫn trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) nhằm mục tiêu hỗ trợ GV thực hiện được những mục tiêu, cách thức tổ chức bài học, từ đó triển khai các hoạt động dạy học phù hợp với từng nội dung bài học. Để sử dụng hiệu quả SGK, cần lưu ý một số điểm sau:

- Thứ nhất, GV cần chú ý nội dung “Kết nối với chương trình” trong đó có những mục tiêu cụ thể của bài học mà GV cần đạt được, từ đó GV có thể định hướng, xây dựng những cách thức triển khai nội dung bài học một cách hiệu quả và đáp ứng mục tiêu của bài học.

- Thứ hai, SGK được biên soạn cho GV chung cả nước, cách thức tổ chức các bài học theo từng chủ đề, bài trong sách biên soạn theo hướng lựa chọn các phương pháp khái quát. Vì vậy, SGK chỉ mang tính định hướng, gợi ý, không minh hoạ cụ thể cho từng điều kiện, môi trường giáo dục cụ thể. GV cần kết hợp với điều kiện tổ chức của trường học, đặc điểm tâm sinh lí và khả năng nhận thức của HS, điều kiện cơ sở vật chất của địa phương để điều chỉnh, bổ sung hoặc thiết kế phương án cho phù hợp.

- Thứ ba, các phương án tổ chức cho từng hoạt động dạy học trong SGK khá đa dạng, thời gian và gợi ý về sản phẩm dạy học cụ thể, tuy nhiên GV có thể linh động thay đổi cách thức tổ chức hoạt động, thời gian và có những yêu cầu khác về sản phẩm dạy học, tùy theo điều kiện cụ thể của từng trường.

Thứ tư, ở mỗi bài học đều có số tiết dạy cụ thể, tuy nhiên GV có thể điều chỉnh số tiết theo phân phối chương trình và kế hoạch dạy học của nhà trường, theo PPDH của cá nhân để phân phối lại số tiết vừa đảm bảo về mục tiêu của bài học, vừa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

Thứ năm, các phương pháp, kĩ thuật dạy học sử dụng trong các bài học đều có cách thức tiến hành với các bước hướng dẫn, tuy nhiên trong quá trình thực hiện, để GV có thể hiểu rõ và thực hiện đúng, chính xác về cách thức thực hiện các PPDH tích cực, GV có thể tham khảo ở phần 1 – Giới thiệu chung có khái quát các PPDH trên.

5.3. Hướng dẫn khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên sách, thiết bị giáo dục, học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

5.3.1. Nguồn tài nguyên sách, thiết bị và học liệu điện tử

Cùng với hệ thống SGK, SGV, SBT, NXBGDVN và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định xây dựng hệ thống nguồn tài nguyên sách và học liệu đi kèm SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) như sau:

- Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 9 (phần Lịch sử).
- Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 9 (phần Địa lí).

- Thực hành Lịch sử và Địa lí 9 (phần Lịch sử).
- Thực hành Lịch sử và Địa lí 9 (phần Địa lí).
- Video clip tiết dạy minh hoạ.
- Kế hoạch bài dạy môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 (phần Lịch sử).
- Kế hoạch bài dạy môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 (phần Địa lí).

Các nguồn tài nguyên sách bổ trợ, sách tham khảo đi kèm SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) này cũng được biên soạn dựa trên cấu trúc SGK với các chủ đề, bài học cụ thể, bám sát YCCĐ của nội dung CTGDPT 2018. Các tài liệu này là phương tiện hỗ trợ hiệu quả cho GV trong việc biên soạn, thiết kế các phương án dạy học phù hợp, hướng đến rèn luyện năng lực, phẩm chất cho HS.

SBT, sách tham khảo được biên soạn nhằm hỗ trợ SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) với các nội dung bám sát với các chuyên đề, bài học. Các câu hỏi, các dạng bài tập trong sách bài tập, sách tham khảo có mức độ từ đơn giản đến vận dụng, các dạng bài đa dạng như: câu hỏi trắc nghiệm, điền khuyết, ghép nối, lựa chọn câu đúng, sai, phân tích, vẽ sơ đồ,... Nội dung của các bài tập, các câu hỏi được thiết kế dựa trên những nội dung kiến thức, hình ảnh trong SGK, giúp HS có thể rèn luyện, khắc sâu kiến thức của mình. Một số dạng bài tập giúp HS tiếp cận, giải đáp được với các bài trong phần Luyện tập và Vận dụng trong SGK dễ dàng hơn.

5.3.2. Một số cách hướng dẫn khai thác và sử dụng

GV, phụ huynh HS và HS có thể tìm mua sách và tài liệu dạy học môn Lịch sử và Địa lí 9 cho HS tại cửa hàng sách giáo dục trên toàn quốc.

GV, phụ huynh cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử do NXBGDVN, Công ty Cổ phần xuất bản giáo dục Gia Định xây dựng.

GV có thể tham khảo tài nguyên trên trang: taphuan.nxbgd.vn, hanhtrangso.nxbgd.vn, www.chantroisangtao.vn

PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*), phần Lịch sử có 7 chương với 24 bài, phần Địa lí có 3 chương với 23 bài. Ngoài ra, sách còn có 3 bài chủ đề chung tích hợp cả lịch sử và địa lí.

1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Căn cứ theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 về hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của trường theo Thông tư 32; dựa vào các tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV thực hiện CTGDPT 2018, có thể thiết kế kế hoạch bài dạy theo quy trình gồm 4 bước sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu bài dạy

Đối với CTGDPT mới, khi xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS, GV cần xác định mục tiêu dưới dạng các YCCĐ, các năng lực và phẩm chất. GV xác định mục tiêu bài dạy dựa trên các căn cứ sau:

- YCCĐ tương ứng của bài học quy định trong CTGDPT môn Lịch sử và Địa lí, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; hoặc từ kết quả xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn.

- Căn cứ vào đặc điểm của HS: Tùy vào mức độ năng lực của HS mà GV có thể nâng bậc nhận thức của mục tiêu lên những mức độ cao hơn.

- Đặc điểm xây dựng nội dung kiến thức, vào phương tiện, thiết bị và hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học.

Bước 2: Xác định chuỗi các hoạt động dạy học

Trên cơ sở mục tiêu và mạch nội dung dạy học, GV xác định chuỗi các hoạt động dạy học (thực chất là các hoạt động học của HS) để có phương án dạy học tổng thể. Đây là bước trung gian để làm cơ sở cho việc thiết kế các hoạt động học cụ thể trong bài dạy. Theo đó, đối với dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới, mỗi kế hoạch bài dạy được triển khai theo thành các hoạt động cụ thể gồm: Hoạt động khởi động; các hoạt động hình thành kiến thức, kĩ năng mới (khám phá); hoạt động luyện tập; hoạt động vận dụng. Đối với các dạng bài thực hành, các dạng bài này có cách thức, quy trình thực hiện khác nhau, tuy nhiên vẫn được triển khai theo các hoạt động cụ thể, đáp ứng yêu cầu của một bài thực hành: hoạt động khởi động, các hoạt động thực hành.

Bước 3: Phát triển các hoạt động dạy học cụ thể

Dựa trên chuỗi các hoạt động dạy học đã xây dựng, GV tiến hành phát triển các hoạt động dạy học cụ thể. Với mỗi hoạt động, trên cơ sở mục tiêu và các phác hoạ

ban đầu ở bước trước đó, GV tiến hành cụ thể hoá và hoàn thành mô tả hoạt động. Mỗi hoạt động cần thể hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm và tổ chức thực hiện. Tiến trình tổ chức hoạt động bao gồm các pha sau: Chuyển giao nhiệm vụ; Thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo, thảo luận; Kết luận, nhận định. Quá trình này GV cần bám sát các bước của phương pháp và kĩ thuật dạy học được sử dụng.

Bước 4: Kiểm tra, hoàn thiện kế hoạch bài dạy

Sau khi phát triển các hoạt động dạy học, GV tiến hành xem xét lại tất cả các phần để hoàn thiện kế hoạch bài dạy. Chẳng hạn, GV xem xét lại sự phù hợp giữa các mục tiêu và chuỗi các hoạt động dạy học, sự phù hợp giữa các PPDH, phương tiện dạy học trong từng hoạt động, sự phù hợp của các phương án đánh giá, phân bổ thời gian cho các hoạt động, sự liên kết giữa các hoạt động trong kế hoạch dạy học, sự đa dạng của các hoạt động và phương án dự phòng trong những trường hợp cần thiết.

2. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ

2.1. Hướng dẫn thiết kế kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới

Dưới đây trình bày gợi ý để tổ chức dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới thông qua 4 hoạt động với những định hướng về phương pháp tiếp cận thông qua một ví dụ cụ thể:

2.1.1. Phần Lịch sử

Bài 20. TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY (DỰ KIẾN 1 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Giải mã được các thông tin có trong một số tư liệu lịch sử (20.1, 20.2, 20.3, 20.4), dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.	3
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh để nhận thức về đường lối ngoại giao của Việt Nam hiện đại.	4

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Đọc, sưu tầm các thông tin và hình ảnh, tư liệu về về trật tự thế giới mới từ sau năm 1991 đến nay.	5

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được YCCĐ của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

GV sử dụng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: TRẬT TỰ THẾ GIỚI CUỐI THẾ KỈ XX

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

STT	Câu hỏi	Trả lời
1	– Trật tự thế giới trong khoảng thời gian từ năm 1945 đến năm 1991 gồm có mấy “cực” chính? – Sự kiện Liên Xô sụp đổ (1991) cho thấy điều gì?	?
2	Xác định vị thế của những quốc gia, khu vực sau: – Mỹ – Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga	?
3	Tư liệu 20.1 phản ánh xu thế nào trong quan hệ Mỹ – Nga (quốc gia kế thừa vị trí pháp lí của Liên Xô)?	?
4	Từ những dữ liệu trên, em hãy xác định xu hướng hình thành trật tự thế giới cuối thế kỉ XX.	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS hoàn thành phiếu học tập về xu hướng hình thành trật tự thế giới cuối thế kỉ XX.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- + HS báo cáo kết quả thực hiện.
- + Dự kiến sản phẩm:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

STT	Câu hỏi	Trả lời
1	– Trật tự thế giới trong khoảng thời gian từ năm 1945 đến năm 1991 gồm có mấy “cực” chính? – Sự kiện Liên Xô sụp đổ (1991) cho thấy điều gì?	– Gồm có 2 “cực” chính: Mỹ và Liên Xô – Sự kiện Liên Xô sụp đổ (1991) cho thấy: trật tự thế giới chỉ tồn tại 1 “cực” là Mỹ.
2	Xác định vị thế của những quốc gia, khu vực sau: – Mỹ – Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga	– Mỹ: giữ vị trí siêu cường. – Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga: có ảnh hưởng nhất định trong phạm vi khu vực.
3	Tư liệu 20.1 phản ánh xu thế nào trong quan hệ Mỹ – Nga (quốc gia kế thừa vị trí pháp lý của Liên Xô)?	Hoà dịu.
4	Từ những dữ liệu trên, em hãy xác định xu hướng hình thành trật tự thế giới cuối thế kỉ XX.	Xu hướng đơn cực, trong đó, Mỹ là siêu cường duy nhất; còn Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga có vai trò, ảnh hưởng nhất định trong phạm vi khu vực; quan hệ quốc tế hoà dịu.

- **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: XU HƯỚNG HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI VÀO ĐẦU THẾ KỈ XXI

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

- **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cung cấp thông tin: đầu thế kỉ XXI, Mỹ tiếp tục nỗ lực xác lập trật tự đơn cực nhưng do các nguyên nhân chủ quan và khách quan, nỗ lực này không thành công. Trật tự thế giới đầu thế kỉ XXI dần định hình theo xu hướng đa cực.

GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm chứng minh nhận xét trên theo các gợi ý để hoàn thành phiếu học tập số 2:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

STT	Yêu cầu	Trả lời
1	- Nêu các biểu hiện tiếp tục nỗ lực xác lập trật tự đơn cực của Mỹ. - Gợi ý: Dựa vào các tư liệu 20.2, 20.3 và thông tin trong bài.	?
2	Nêu các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến việc Mỹ không thể tiếp tục duy trì trật tự thế giới đơn cực.	?
3	Diện mạo trật tự thế giới đang hình thành: xu hướng đa cực.	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm hoàn thành phiếu học tập về xu hướng hình thành trật tự thế giới đầu thế kỉ XXI.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

+ GV mời HS trình bày sản phẩm.

+ Dự kiến sản phẩm:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

STT	Yêu cầu	Trả lời
1	- Nêu các biểu hiện tiếp tục nỗ lực xác lập trật tự đơn cực của Mỹ. - Gợi ý: Dựa vào các tư liệu 20.2, 20.3 và thông tin trong bài.	- Tuyên bố của Tổng thống Mỹ G. U. Bu-sơ (tư liệu 20.2) buộc thế giới phải chọn phe: một là, đứng về phe chống khủng bố do Mỹ lãnh đạo; hai là, đứng về phe khủng bố – kẻ thù của Mỹ). - Tiến hành chiến tranh can thiệp vào Áp-ga-ni-xtan, I-rắc (từ năm 2001).
2	Nêu các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến việc Mỹ không thể tiếp tục duy trì trật tự thế giới đơn cực.	- Nguyên nhân từ phía Mỹ: Sức mạnh của Mỹ suy yếu do: tiến hành chiến tranh can thiệp vào Áp-ga-ni-xtan, I-rắc và khủng hoảng tài chính 2008 – 2009. - Nguyên nhân từ phía các nước khác: + Trung Quốc: “trỗi dậy” mạnh mẽ và thực hiện các chiến lược đối ngoại (như sáng kiến “Vành đai, con đường”) nhằm tạo ra hệ thống kinh tế mới lấy Trung Quốc làm trung tâm; + Nga: ổn định kinh tế, chính trị và mong muốn khôi phục vị thế cường quốc hàng đầu thế giới; + Liên minh châu Âu, Ấn Độ, Nhật Bản: tham gia vào quá trình cạnh tranh quyền lực.

STT	Yêu cầu	Trả lời
3	Diện mạo trật tự thế giới đang hình thành: xu hướng đa cực.	Các “cực” chính là: Mỹ, Trung Quốc, Nga, Liên minh châu Âu, Ấn Độ, Nhật Bản.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

Sau khi hướng dẫn HS hoàn thành phiếu học tập, GV giới thiệu tư liệu 20.4: hình ảnh “Ghế gãy” được đặt trước toà nhà Liên hợp quốc tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) để nhắc nhở trách nhiệm của các quốc gia trong việc duy trì một thế giới không có chiến tranh. Điều này phản ánh: sự quan tâm của thế giới đối với xu hướng đối thoại, hợp tác, giải quyết bất đồng trên nền tảng thiện chí duy trì hoà bình.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện yêu cầu sau:

Hoàn thành bảng thông tin theo gợi ý dưới đây:

Xu hướng hình thành trật tự thế giới	Cuối thế kỉ XX	Đầu thế kỉ XXI
	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

+ HS báo cáo kết quả thực hiện.

+ Dự kiến sản phẩm:

Xu hướng hình thành trật tự thế giới	Cuối thế kỉ XX	Đầu thế kỉ XXI
	Hoa Kỳ nỗ lực thiết lập trật tự thế giới đơn cực.	Trật tự thế giới đa cực, lấy đối thoại, hợp tác làm nền tảng

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: (3), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện yêu cầu sau: *Theo em, tuyên bố “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” phản ánh Việt Nam hướng đến xu hướng nào của trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh (1991)?*

GV hướng dẫn HS xác định từ khoá: “bạn”, “đối tác tin cậy”, “thành viên có trách nhiệm” và quan trọng nhất là “trong cộng đồng quốc tế”. Điều này cho phép nhận thấy Việt Nam hướng đến xu hướng nào của trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh (1991)?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện theo cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

+ HS báo cáo kết quả thực hiện.

+ Dự kiến sản phẩm:

Việt Nam hướng đến xu thế mở rộng quan hệ bình đẳng, có trách nhiệm với tất cả các nước (thế giới đa cực).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp/ Kĩ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các YCCĐ của bài học.			YCCĐ của bài học.	PPDH diễn giảng.	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3		Trật tự thế giới cuối thế kỉ XX.	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động 2	1	2, 3		Xu hướng hình thành trật tự thế giới mới vào đầu thế kỉ XXI.	PPDH khám phá	Bài tập

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp/ Kĩ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Tóm tắt xu hướng hình thành trật tự thế giới cuối thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI.	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng		3	5	Xác định xu hướng đối ngoại của Việt Nam trong quan hệ quốc tế đầu thế kỉ XXI.	PPDH khám phá	Bài tập

2.1.2. Phần Địa lí

BÀI 4. NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Hoạt động	Hướng dẫn thiết kế dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới
Mở đầu	– Mục tiêu: Dẫn dắt HS vào bài học mới, tạo hứng thú, kích thích nhu cầu tìm tòi, khám phá bài học của HS. – Yêu cầu: + GV cần giới thiệu YCCĐ của bài trong mục “Học xong bài này, em sẽ:” để tạo cơ sở đánh giá cho mỗi hoạt động và xác định được nội dung mà HS cần đạt được sau mỗi bài học. + GV có thể sử dụng đoạn mở đầu trong SGK. Bên cạnh đó, GV có thể tham khảo các thông tin và hình thức khởi động khác trong SGV hoặc tạo các tình huống giúp HS hứng thú, lôi cuốn HS vào bài mới. Hoạt động này chiếm thời gian tương đối ngắn vì vậy GV cần lựa chọn nội dung khởi động thiết thực và có tính bao quát bài học; nên kết hợp các phương tiện dạy học trực quan thu hút HS như video clip, tranh ảnh; các hoạt động thu hút HS như trò chơi, đố vui với mức độ từ dễ đến khó,...

Ví dụ minh họa:

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
- + Cách thứ nhất: GV sử dụng phần dẫn nhập của SGK để dẫn dắt vào bài học.
- + Cách thứ hai: GV có thể sử dụng kĩ thuật “tia chớp” hoặc kĩ thuật “động não” để đặt các câu hỏi nhanh hoặc yêu cầu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam.
 - *Kể tên các sản phẩm cây trồng, vật nuôi chủ yếu của nước ta.*
 - *Kể tên vườn quốc gia ở nước ta.*
 - *Nước ta có những thuận lợi gì để phát triển ngành thủy sản?*
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những YCCĐ được nêu trong mục **“Học xong bài này, em sẽ:”**

Hoạt động	Hướng dẫn thiết kế dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới
Hình thành kiến thức mới (khám phá)	– Mục tiêu: giúp HS hình thành kiến thức, kĩ năng, phẩm chất mới thông qua các hoạt động. Hoạt động này là hoạt động chính, quan trọng trong bài học, có vai trò và tác dụng làm cơ sở cho các hoạt động luyện tập và vận dụng, cũng như toàn bộ quá trình tiếp thu kiến thức của HS. – Yêu cầu: + GV tổ chức các hoạt động hình thành kiến thức mới dựa trên: phân chia các đơn vị kiến thức trong bài, số tiết, thời gian, năng lực nhận thức của HS,... + Các hình thức tổ chức dạy học cần đa dạng (cá nhân, nhóm, lớp), khai thác phương tiện trực quan, áp dụng các kĩ thuật “dạy học tích cực” và tạo được hứng thú cho HS, tuy nhiên cần chú ý: không nên tổ chức quá nhiều hoạt động cho một nội dung vì tốn nhiều thời gian, gây mất tập trung; các hoạt động cần phù hợp với trình độ và tâm lí của HS lớp 9;... + GV có thể sử dụng các câu hỏi trong SGK vì chúng có tính định hướng HS khai thác kiến thức đáp ứng mục tiêu của bài học. Ngoài ra, GV có thể tự thiết kế các câu hỏi và nhiệm vụ học tập, tuy nhiên cần chú ý: các câu hỏi, bài tập phải có tính logic, hệ thống, tạo cơ hội cho HS phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện; hạn chế các câu hỏi, bài tập chỉ cung cấp kiến thức đơn thuần, ít liên hệ thực tiễn, những câu hỏi trừu tượng, gây khó khăn cho HS; số lượng câu hỏi hợp lí không gây quá tải; các câu hỏi và hoạt động có tính kết nối, liên mạch với nhau;... + Mỗi hoạt động cần có đánh giá, nhận xét của GV để kiểm tra mức độ tiếp thu của HS. Các hình thức đánh giá có thể linh động, đánh giá của GV thông qua bảng kiểm, rubric, đánh giá đồng đẳng,...

Ví dụ minh họa:

Bài 4. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản được xây dựng để dạy trong 3 tiết với 4 đơn vị kiến thức, kĩ năng mới. Vì vậy, GV có thể phân chia thành 4 hoạt động khám phá.

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp

– Mục tiêu: phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.

– Hình thức dạy học: theo nhóm.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: kĩ thuật “chúng em biết 3”.

– Phương tiện dạy học: giấy A0, các hình ảnh về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

– Tổ chức thực hiện:

+ GV chia lớp thành 8 nhóm, mỗi nhóm lựa chọn thảo luận một nội dung thuộc các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

• Nhóm 1, 2, 3, 4: thảo luận về các nhân tố tự nhiên.

• Nhóm 5, 6, 7, 8: thảo luận về các nhân tố kinh tế – xã hội.

+ Mỗi HS trong nhóm làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình. Nhóm thảo luận, thống nhất chọn ra 3 điều nhóm thấy quan trọng nhất của từng yếu tố đối với phát triển và phân bố nông nghiệp và trình bày kết quả vào giấy A0.

+ Các nhóm dán kết quả của nhóm mình thành các trạm thông tin, đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả. Các HS khác tiếp nhận thông tin và đặt câu hỏi.

+ GV nhận xét, góp ý sản phẩm các nhóm. GV có thể cung cấp, bổ sung thêm những hình ảnh, thông tin về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp cho HS.

Đánh giá: GV đánh giá sản phẩm của HS dựa vào bảng kiểm.

Nội dung	Đạt
Nêu được đầy đủ các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp: địa hình và đất, khí hậu, nguồn nước, sinh vật.	
Nêu được đầy đủ các nhân tố kinh tế – xã hội: dân cư và nguồn lao động, chính sách phát triển nông nghiệp và vốn sản xuất, thị trường tiêu thụ, cơ sở vật chất – kĩ thuật và công nghệ.	
Nêu được 3 điều quan trọng nhất của nhân tố đã chọn.	
Cho ví dụ minh họa.	
Có hoạt động điều hành, phân công thành viên nhóm hoạt động.	
Nhóm trình bày ngắn gọn, rõ ý.	

Hoạt động	Hướng dẫn thiết kế dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới
Luyện tập	– Mục tiêu: giúp HS luyện tập, củng cố, thực hành những kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được thông qua các hoạt động như trình bày, luyện tập, bài tập, nhiệm vụ cụ thể. – Yêu cầu: GV cần đánh giá kết quả luyện tập của HS hoặc để các nhóm HS nhận xét, bổ sung cho nhau. Cần chú ý ưu tiên các hoạt động, thực hành, luyện tập; xác định những kiến thức trọng tâm hoặc các kĩ năng quan trọng cần được rèn luyện; các câu hỏi ở phần luyện tập có mục đích rèn luyện – khác với câu hỏi ở hoạt động hình thành kiến thức,... GV có thể sử dụng các câu hỏi luyện tập trong SGK, bên cạnh đó nên phát huy vai trò chủ động, tự lực của HS khi tổ chức hoạt động học thông qua các hoạt động nhóm hoặc cá nhân.

Ví dụ minh họa:

Bài 4. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có 1 câu hỏi luyện tập. GV có thể tổ chức dạy học như sau:

- Mục tiêu: ôn tập kiến thức đã học cho HS.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: kĩ thuật “sơ đồ tư duy”.
- Phương tiện dạy học: giấy A0.
- Tổ chức thực hiện:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS vẽ sơ đồ tư duy về các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phân bố và phát triển nông nghiệp nước ta trong 6 phút.

- + HS vẽ sơ đồ tư duy.
- + Đại diện HS báo cáo kết quả.
- + GV nhận xét, đánh giá.

Đánh giá: GV đánh giá, nhận xét sơ đồ tư duy của HS dựa vào nội dung bảng kiểm sau.

Nội dung	Có	Không
Sơ đồ tư duy có ý chính ở giữa		
Các nhánh của sơ đồ có độ dày khác nhau		
Có ý chính phụ và từ khoá cho mỗi nhánh		
Sử dụng những biểu tượng icon, hình vẽ minh họa		
Sơ đồ vẽ trực quan, logic và chữ rõ, dễ nhìn		

Hoạt động	Hướng dẫn thiết kế dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới
Vận dụng	– Mục tiêu: giúp HS vận dụng, áp dụng kiến thức, kĩ năng đã lĩnh hội ở bài học để vận dụng vào các tình huống học tập mới, giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ trong thực tế, góp phần hình thành năng lực học tập ngoài trường học,... – Yêu cầu: + Phần lớn hoạt động vận dụng đòi hỏi HS thực hiện nhiệm vụ liên hệ với thực tế, vì vậy, hoạt động này có thể tiến hành ở lớp hoặc ngoài giờ lên lớp. + Tương tự như hoạt động luyện tập, hoạt động này đề cao vai trò chủ động, tích cực của HS, vì vậy GV có nên sử dụng các PPDH tình huống, dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp học tập nhóm hoặc tự học.

Ví dụ minh họa:

Bài 4. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có 1 câu hỏi vận dụng. GV có thể tổ chức dạy học như sau:

– Mục tiêu: mở rộng thêm kiến thức cho HS về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở nước ta.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.

– Phương tiện dạy học: một số hình ảnh, các trang thông tin về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam.

– Tổ chức thực hiện:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện sưu tầm thông tin và hình ảnh (sản phẩm sưu tầm dưới dạng bản kĩ thuật số) về một trong những ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở nước ta theo bảng gợi ý dưới đây.

Ngành:
Nội dung thông tin:
Nguồn thông tin:
Hình ảnh minh họa:

+ HS về nhà thực hiện sản phẩm, nộp cho GV đánh giá, nhận xét.

Đánh giá: GV đánh giá sản phẩm của HS dựa vào bảng kiểm.

Nội dung	Đạt
Sản phẩm chủ yếu của ngành (lựa chọn tối thiểu 3 ý)	
Phân bố chủ yếu của ngành (lựa chọn tối thiểu 3 ý)	
Các hướng phát triển gần đây của ngành (lựa chọn tối thiểu 3 ý)	
Hình ảnh minh họa (lựa chọn tối thiểu 3 hình)	
Trình bày sản phẩm sưu tầm dưới dạng bản kĩ thuật số (word hoặc infographic,...)	

2.2. Hướng dẫn thiết kế kế hoạch bài dạy dạng bài thực hành

Nội dung phần Địa lí 9 có số lượng bài thực hành tương đối nhiều (10 bài), các bài thực hành được phân phối ở tất cả các chương của SGK mới, bao gồm: Chương 1 (1 bài), chương 2 (2 bài), chương 3 (7 bài). Thông qua các bài thực hành, HS không chỉ rèn luyện các kiến thức đã tiếp thu ở các bài học, mà còn rèn luyện được phát triển các kĩ năng, trình bày kiến thức của mình. Mỗi bài thực hành có cấu trúc, quy trình thực hiện khác nhau.

Đối với bài 3, 14, 16, 18, 22, HS rèn luyện được kĩ năng phân tích vấn đề cụ thể của địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam như vấn đề việc làm ở địa phương, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ, ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hoá ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận, vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế – xã hội ở Tây Nguyên, tác động của biến đổi khí hậu đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Đối với bài 5, 12, 20, HS được rèn luyện kĩ năng tìm hiểu, sưu tầm thông tin và viết báo cáo về một vấn đề cụ thể như viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, sưu tầm tư liệu và trình bày về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, viết báo cáo về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Đối với bài 7, 10, HS được rèn luyện kĩ năng đọc và phân tích bản đồ, biểu đồ, tổng hợp kiến thức thông qua lập sơ đồ hoặc xác định các đối tượng cụ thể trên bản đồ như xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta, vẽ sơ đồ thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

Dưới đây trình bày gợi ý để tổ chức dạng bài thực hành **Bài 16. Thực hành. Phân tích ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận** với các hoạt động cụ thể như sau:

Hoạt động	Hướng dẫn thiết kế dạng bài thực hành
Mở đầu	- Mục tiêu: tạo hứng thú cho HS thay vì chỉ một vài câu dẫn dắt vào bài thực hành. - Yêu cầu: GV cần xác định yêu cầu cần đạt của bài thực hành trong mục “Học xong bài này, em sẽ:”. Việc thiết kế các hoạt động khởi động cho dạng bài này cần chú ý tới mạch kiến thức của các bài học trước, nhắc lại và kiểm tra khả năng của HS, đồng thời cần gắn với mục tiêu yêu cầu của bài học,...

Ví dụ minh hoạ

– Mục tiêu: giới thiệu, đặt vấn đề về ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận; tạo động lực dẫn dắt HS vào bài mới.

– Tổ chức thực hiện:

+ GV có thể chọn một hai cách sau để khởi động bài học này:

- Cách thứ 1: GV sử dụng đoạn thông tin *Em có biết?* dẫn dắt vào bài học.
- Cách thứ 2: GV tổ chức trò chơi “Đoán ý đồng đội” cho cả lớp.

+ GV gọi 10 bạn HS lên bảng, quay mặt về phía lớp. GV đưa ra một số hình ảnh kèm từ khoá như: hạn hán, khan hiếm nước, cháy rừng, cát bay, Ninh Thuận, Bình Thuận. Các HS còn lại bên dưới lớp diễn đạt cho các bạn mình đoán ra từ khoá là gì.

+ HS đoán và trả lời nhanh nhất sẽ được cộng điểm.

+ GV giải đáp, dẫn nhập sang nội dung bài mới.

+ GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **“Học xong bài học này, em sẽ:”**

Hoạt động	Hướng dẫn thiết kế dạng bài thực hành
Hoạt động thực hành	– Mục tiêu: rèn luyện các năng lực, kĩ năng và giúp HS hiểu rõ hơn nội dung của bài học trước. – Yêu cầu: GV và HS cần có sự chuẩn bị cho bài thực hành, đây là khâu quan trọng để mang lại thành công cho bài dạy thực hành. HS khi chuẩn bị trước tư liệu đã tiếp cận và hình dung được nhiệm vụ của mình cần thực hiện trong bài thực hành. + Hoạt động thực hành chung cả lớp cần chú ý xác định được vấn đề thực hành, các nhiệm vụ học tập, các phương pháp cụ thể (ưu tiên phương pháp hoạt động nhóm, lớp): khăn trải bàn, mảnh ghép, công đoạn,... + Cần phân chia rõ ràng các nhiệm vụ học tập trong tiết thực hành, các nhóm HS và cá nhân cần chủ động, tích cực tham gia thực hiện. GV đóng vai trò là người hướng dẫn và giúp đỡ. GV cần đánh giá kết quả thực hành của HS hoặc để các nhóm HS nhận xét, bổ sung cho nhau.

Ví dụ minh hoạ

– Mục tiêu: sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.

– Hình thức dạy học: cặp đôi.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: kĩ thuật “think – pair – share” phân công các nhóm HS thảo luận, thuyết trình.

– Phương tiện dạy học: hình 16 trang 193 trong SGK, các hình ảnh về hạn hán và sa mạc hoá của vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.

– Tổ chức thực hiện:

+ GV chia lớp thành các nhóm cặp đôi, số lượng các nhóm cặp đôi tùy thuộc vào số lượng HS trong lớp. Sử dụng kỹ thuật “think – pair – share”, các nhóm HS vận dụng kiến thức của bản thân, nội dung trong SGK, thảo luận và viết câu trả lời của nhóm mình vào tờ giấy A4 trong vòng 10 phút. Các nhóm thảo luận 2 nhiệm vụ:

• *Phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.*

• *Đề xuất giải pháp khắc phục những ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.*

+ Triển khai nhiệm vụ: mỗi HS tự “think” (suy nghĩ: tự độc lập suy nghĩ và nêu ý tưởng của mình), “pair” (bắt cặp: thảo luận với bạn cùng nhóm về ý tưởng của mình), “share” (chia sẻ: các nhóm đôi khác màu sẽ chia sẻ, thảo luận ý tưởng của nhóm mình với nhóm bạn).

+ Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận của mình trước lớp.

+ Tập thể lớp góp ý, bổ sung.

+ GV góp ý, nhận xét.

Đánh giá: GV đánh giá phần trình bày của HS dựa vào bảng kiểm.

Nội dung	Đạt	Không
Nêu được tối thiểu 3 ảnh hưởng của nạn hạn hán đối với sự phát triển kinh tế và xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận, kèm theo 3 ví dụ cụ thể.		
Nêu được tối thiểu 3 ảnh hưởng của sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế và xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận, kèm theo 3 ví dụ cụ thể.		
Đề xuất được tối thiểu 2 giải pháp khắc phục những ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.		
Trình bày lưu loát, tự tin.		

GV bổ sung thêm một số thông tin, các hình ảnh về hiện tượng hạn hán và sa mạc hoá ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo

Phó Tổng biên tập NGUYỄN NAM PHÓNG

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: ĐỖ XUÂN GIANG – NGUYỄN NGỌC THẠNH

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Thiết kế sách: TÓNG THANH THẢO

Sửa bản in: ĐỖ XUÂN GIANG – NGUYỄN NGỌC THẠNH

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 9 – Bộ sách Chân trời sáng tạo (Tài liệu lưu hành nội bộ)

Mã số:

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN:



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỂU

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

LỚP 9



Sách không bán